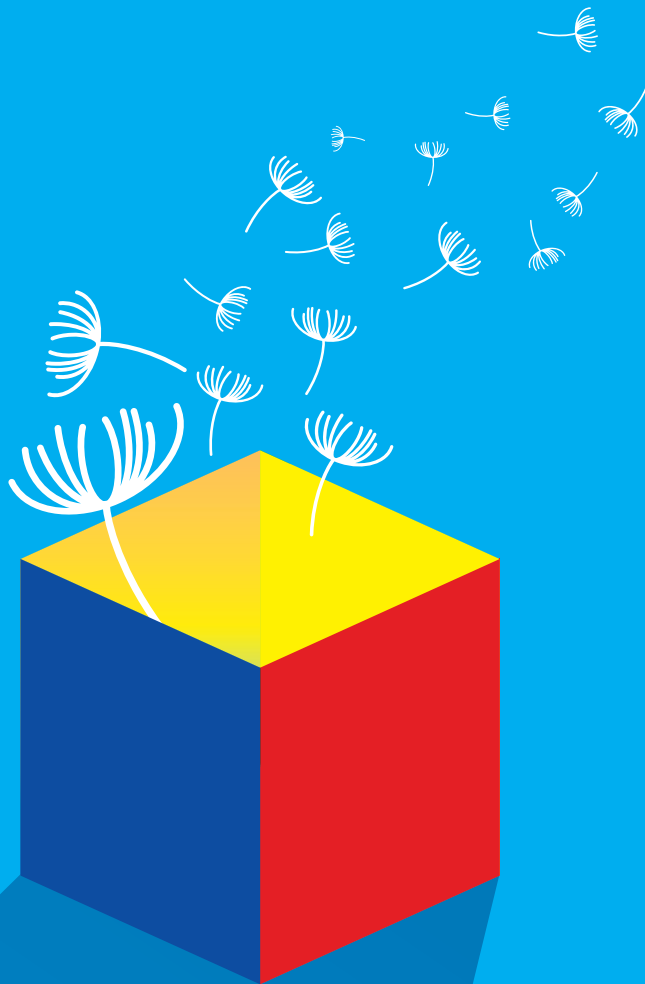


BÁO CÁO

KINH DOANH TẠI VIỆT NAM

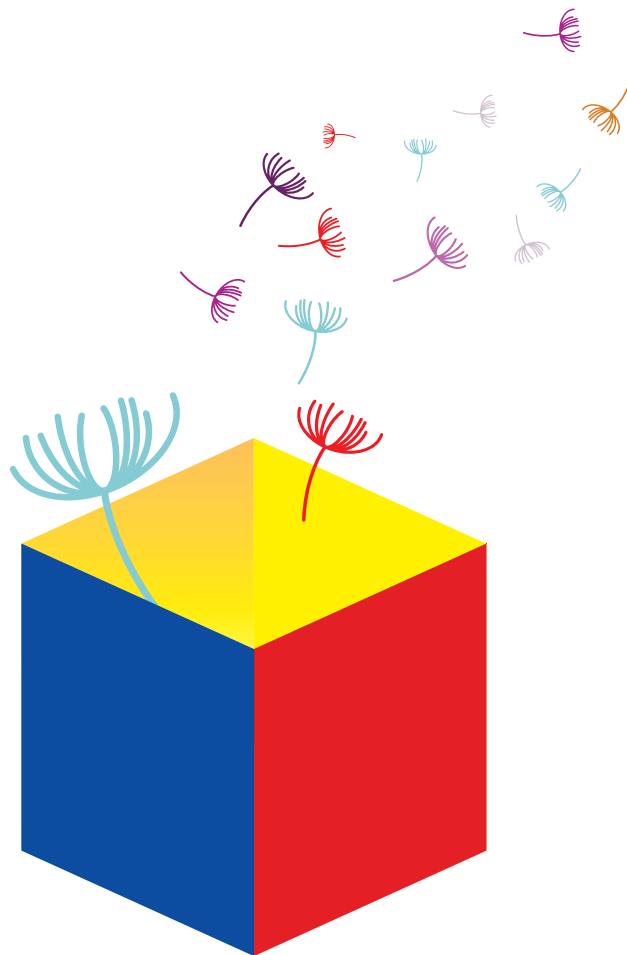
Đánh giá của các doanh nghiệp
do phụ nữ làm chủ



BÁO CÁO

KINH DOANH TẠI VIỆT NAM

Đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ





Nhóm nghiên cứu
Đậu Anh Tuấn
Phạm Ngọc Thạch
Phan Minh Thủy
Lê Thanh Hà
Nguyễn Minh Đức

Mục lục

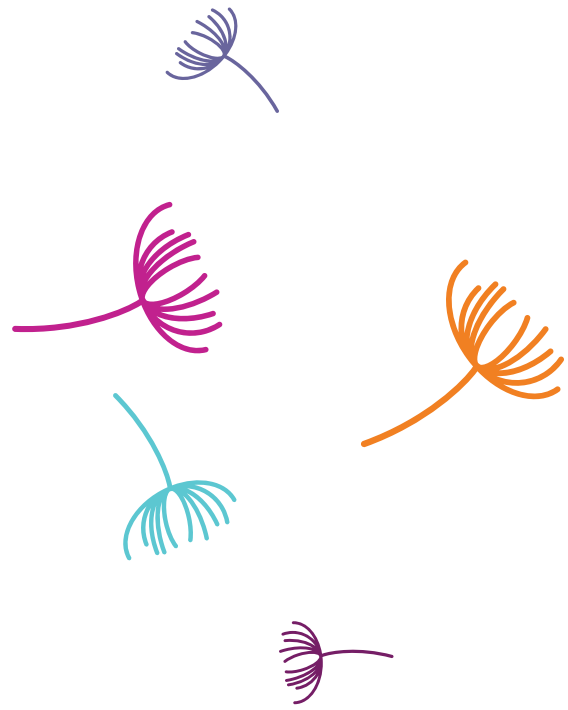
LỜI MỞ ĐẦU		07
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	Bối cảnh	10
	Mục tiêu	12
	Phương pháp	13
	Phạm vi nghiên cứu	14
BỨC TRANH VỀ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ TẠI VIỆT NAM	Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	16
	Đặc điểm của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	21
	Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	24
	Khó khăn của doanh nghiệp	25
	Triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp	28
MÔI TRƯỜNG KINH DOANH DƯỚI GÓC NHÌN CỦA DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ	Đánh giá chung	31
	Đánh giá các lĩnh vực điều hành kinh tế địa phương	32
	Thể chế và quy định pháp luật về bình đẳng giới và hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	39
DỊCH VỤ HỖ TRỢ KINH DOANH ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ	Tầm quan trọng và nhận thức về dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	43
	Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang được hưởng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp như thế nào	45
	Chất lượng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại địa phương	47
	Các mạng lưới và tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	50
THỰC TIỄN TỐT VỀ HỖ TRỢ CÁC DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ	Xây dựng khung chiến lược về phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (kinh nghiệm của nước Anh)	55
	Doanh nghiệp xã hội hoạt động vì doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (thực tiễn tốt ở Hoa Kỳ)	57
	Xây dựng mạng lưới	58
	Thực tiễn tốt từ một số quốc gia ASEAN	60
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	Kết luận	66
	Khuyến nghị	67

Danh mục Hình

Hình 1: Tỷ lệ doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp trong điều tra PCI 2011-2018	16
Hình 2: Phân bố doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo lĩnh vực hoạt động	17
Hình 3: Phân bố giới của chủ doanh nghiệp theo lĩnh vực hoạt động chính	18
Hình 4: Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại các tỉnh/thành phố trên toàn quốc	20
Hình 5: Quy mô lao động của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ qua các năm điều tra PCI	21
Hình 6: Quy mô vốn của chủ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ qua các năm PCI 2011-2018	22
Hình 7: Phân bố giới của chủ doanh nghiệp theo quy mô doanh nghiệp	23
Hình 8: Tình hình sản xuất kinh doanh theo giới của chủ doanh nghiệp	24
Hình 9: Những khó khăn của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	25
Hình 10: Khó khăn của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo quy mô doanh nghiệp	26
Hình 11: Triển vọng kinh doanh trong 2 năm tới theo giới của chủ doanh nghiệp	28
Hình 12: Đánh giá tổng quan môi trường kinh doanh của doanh nghiệp phân theo giới	31
Hình 13: Đánh giá các lĩnh vực điều hành kinh tế tại các địa phương	32
Hình 14: Điểm số của Tính minh bạch	33
Hình 15: Khả năng tiếp cận các thông tin, tài liệu của các cơ quan nhà nước trong tỉnh	34
Hình 16: Điểm số Gia nhập thị trường	36
Hình 17: Điểm số Tiếp cận đất đai	37
Hình 18: Những khó khăn lớn nhất về mặt bằng kinh doanh đối với các doanh nghiệp tư nhân trong tỉnh	38
Hình 19: Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nhận biết về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương	44
Hình 20: Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cho biết đang được hưởng một trong các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương	45
Hình 21: Nhận định của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ đơn giản của thủ tục, hồ sơ để nhận được các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương	46
Hình 22: Đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đối với hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương	47

Danh mục từ viết tắt

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
AEC	Cộng đồng kinh tế ASEAN
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
Aus4Reform	Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam
CEDAW	Công ước của Liên Hợp Quốc về loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ
DFAT	Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia
Doing Business	Báo cáo môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới
DN	Doanh nghiệp
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
DVHTKD	Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh
ĐKDN	Đăng ký doanh nghiệp
EU	Liên minh Châu Âu
GCNQSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
IFC	Công ty Tài chính Quốc tế
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
MDG	Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ
MIWE	Chỉ số nữ doanh nhân của Mastercard
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PAPI	Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
SDG	Mục tiêu phát triển bền vững
TAF	Quỹ Châu Á
TTHC	Thủ tục hành chính
UNESCAP	Ủy ban Kinh tế Xã hội châu Á Thái Bình Dương Liên Hợp Quốc
USAID	Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VWEC	Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam thuộc VCCI
WEF	Diễn đàn Kinh tế Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới



Lời mở đầu

Bình đẳng giới là một mục tiêu quan trọng cần hướng đến không chỉ của Việt Nam, mà của các nước trên thế giới. Đây cũng là Mục tiêu số 5 của các Mục tiêu Phát triển bền vững (Sustainable Development Goals - SDG), còn được gọi là Mục tiêu toàn cầu của Liên Hợp quốc. Mục tiêu toàn cầu này được thiết kế nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo rằng tất cả mọi người được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030 ở mỗi quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc.¹

Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 27 tháng 4 năm 2007 về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã xác định mục tiêu “Phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới”. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt² đã đặt ra Chỉ tiêu *Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và từ 35% trở lên vào năm 2020*.

Trong lĩnh vực kinh tế, việc trao quyền kinh tế cho phụ nữ, thúc đẩy sự tham gia tích cực của phụ nữ trong kinh tế chính là động lực cho phát triển bền vững và bao trùm, phát huy sức sáng tạo, thể mạnh, khả năng cạnh tranh và tăng trưởng cho doanh nghiệp. Nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ, nâng cao vị thế lãnh đạo cho nữ giới và bình đẳng giới được coi là một trong những cách thức nâng cao năng suất xã hội, hướng tới nền kinh tế ổn định hơn, và khởi sự kinh doanh là con đường chính để thúc đẩy nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ.

Ngân hàng Thế giới (The World Bank), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) quan sát thấy các nước có mức độ bình đẳng giới cao hơn sẽ có nền kinh tế cạnh tranh hơn và thịnh vượng hơn.³ Một nghiên cứu của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cho thấy trong số một nửa các quốc gia mà phụ nữ có bình đẳng về pháp lý, thì tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động tăng 5 điểm phần trăm trong 5 năm tiếp theo, mang lại lợi ích rất lớn cho nền kinh tế.⁴

Như vậy, khuyến khích sự tham gia của phụ nữ vào kinh doanh có ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển kinh tế xã hội, đóng góp hiệu quả cho trách nhiệm xã hội và giúp đạt Mục tiêu Phát triển bền vững. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trên thực tế chưa tương ứng với tỷ lệ tham gia lao động của phụ nữ trong nền kinh tế (chỉ chưa đến 30% tổng số doanh nghiệp là do phụ nữ làm chủ trong khi tỷ lệ phụ nữ tham gia lao động là 45,6%⁵) và tiềm năng phát triển của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chưa được khai thác tương xứng.

¹ Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) là sự tiếp nối của Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (Millennium Development Goals - MDG). Các SDG dựa trên sáu chủ đề bao gồm: nhân phẩm, con người, hành tinh, quan hệ đối tác, công lý và thịnh vượng. SDG toàn diện hơn so với MDG và bao gồm 17 mục tiêu, được xác định bởi 169 mục tiêu cụ thể và 232 chỉ tiêu. Những mục tiêu này vượt ra tầm phát triển xã hội, bao gồm cả các mục tiêu đối với biến đổi khí hậu, bất bình đẳng kinh tế, đổi mới, tiêu thụ bền vững, hòa bình, công bằng... Các mục tiêu được kết nối với nhau và thành công trong một mục tiêu thường sẽ giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực khác.

² Tại Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 và được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 02/7/2018.

³ The World Bank (2011a), World Development Report: Gender Equality and Development, p. 5. OECD (2012), Gender Equality in Education, Employment and Entrepreneurship: Final Report to the MCM 2012. <http://www.oecd.org/employment/50423364.pdf> p. 3.

⁴ Gonzales, C., Jain-Chandra, S., Kochhar, K., Newiak, M. (2013). Fair Play: More Equal Laws Boost Female Labour Force Participation. Washington DC: International Monetary Fund.

⁵ Nguồn: Tổng cục Thống kê (Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý III và 9 tháng đầu năm 2019).

Mặc dù Việt Nam có tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp cao nhất Đông Nam Á, song hầu hết doanh nghiệp vẫn còn ở quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Có tới 98,8% doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) do phụ nữ làm chủ là quy mô nhỏ và siêu nhỏ, hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ chiếm tới 61,4%. Đặc điểm này cũng khá tương đồng với các đặc điểm của DNNVV do phụ nữ làm chủ ở các nước⁶. DNNVV do phụ nữ làm chủ gặp nhiều khó khăn gắn liền với yếu tố giới của chủ doanh nghiệp trong phát triển, bao gồm: tiếp cận nguồn lực, thông tin, kiến thức, kỹ năng và mạng lưới kinh doanh. Tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ vừa giúp khai thác tiềm năng cho tăng trưởng vừa góp phần thực hiện nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ.

Theo Báo cáo Khoảng cách Giới Toàn cầu (Global Gender Gap Index) 2018 do Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) công bố tháng 12/2018, Việt Nam đứng thứ 77 trên tổng số 149 quốc gia và vùng lãnh thổ được đánh giá, giảm 8 bậc so với năm 2017. Xét ở khía cạnh “Cơ hội và sự tham gia trong lĩnh vực kinh tế”, chỉ số về lãnh đạo nữ đứng ở vị trí 94/149 với điểm số 0,374/1,0, điều này cho thấy Việt Nam cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa.

Thúc đẩy nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ cũng là một trong những mục tiêu quan trọng của Chương trình “Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam” (Aus4Reform) do Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia (DFAT) tài trợ. Chương trình Aus4Reform nhằm hỗ trợ các cơ quan Việt Nam thực hiện tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng nâng cao năng suất lao động, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế hướng tới phát triển nhanh, bền vững.

Trong khuôn khổ Chương trình Aus4Reform, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện Báo cáo nghiên cứu **“Kinh doanh tại Việt Nam: đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ”** cũng nhằm hướng tới mục tiêu nói trên, thông qua việc đánh giá các khía cạnh của môi trường kinh doanh tại 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam từ góc nhìn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Báo cáo này là bức tranh về môi trường kinh doanh đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ từ cuộc điều tra doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Đây có thể xem là một trong những Báo cáo đầu tiên đưa ra đánh giá về môi trường kinh doanh từ góc nhìn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, dựa trên việc khai thác và phân tích dữ liệu khảo sát trên 10 nghìn doanh nghiệp dân doanh tại 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam.

Từ các số liệu và phân tích, Báo cáo hy vọng sẽ đề xuất được một số giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển.

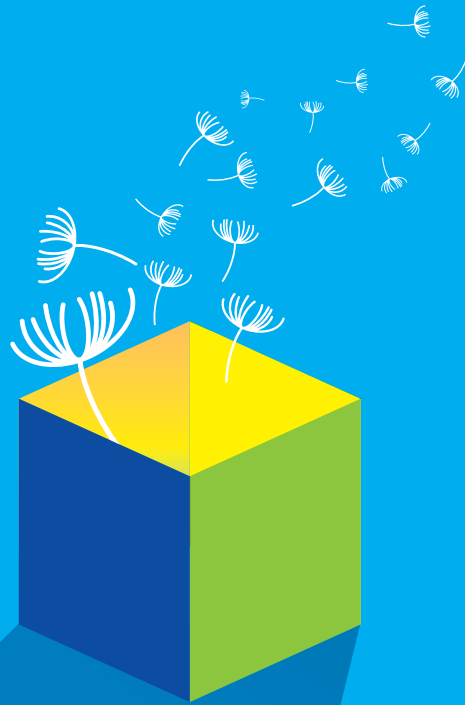
Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các doanh nghiệp, doanh nhân đã dành thời gian để cung cấp thông tin, cảm ơn các chuyên gia đã góp ý, bình luận cho bản báo cáo này.

Những nhận định và kiến nghị trong báo cáo là quan điểm của nhóm chuyên gia thực hiện báo cáo. Kết quả này không nhất thiết phản ánh quan điểm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Chương trình Aus4Reform hay Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương.

⁶ IFC, 2014.

01

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG



Bối cảnh

Phụ nữ cùng lúc giữ ba vai trò: làm mẹ, làm vợ, người lao động. Đảm trách nhiều nhiệm vụ quan trọng như vậy nhưng ngày càng nhiều phụ nữ muốn khởi nghiệp và tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp là một trong các tiêu chí đánh giá thành tựu bình đẳng giới của một quốc gia. Phụ nữ làm kinh doanh luôn được đánh giá cao bởi họ luôn giữ được sự ổn định trong kinh doanh và tạo nền tảng cho phát triển bình đẳng giới.

Tuy nhiên, sự tham gia của phụ nữ trong nền kinh tế còn gặp rất nhiều khó khăn.

Theo Chỉ số nữ doanh nhân của Mastercard⁷ (MIWE) 2019 (đánh giá ở 58 nền kinh tế đại diện cho gần 80% lực lượng lao động nữ trên toàn thế giới), nước có tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp cao nhất (Uganda) là 38,2% (thấp hơn mức 46,2% ở Chỉ số năm 2018), đứng thứ hai (Ghana) có 37,8%, thứ ba (Botswana) là 36%. Thấp nhất là 1,6% (Ả Rập Saudi), thấp nhì là 4,1% (Ai Cập) và thứ ba từ dưới lên là 4,4% (Bangladesh). Những con số này rõ ràng là còn khiêm tốn.

Về khoảng cách giới, khoảng cách y tế và giáo dục đang được thu hẹp đáng kể nhưng về chính trị và kinh tế thì còn một chặng đường rất dài để đạt được bình đẳng giới. Báo cáo Khoảng cách Giới Toàn cầu 2018 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) chỉ ra: khoảng cách về chính trị là lớn nhất (77,1%), khoảng cách lớn thứ hai là cơ hội và sự tham gia về kinh tế (41,9%) (mặc dù có giảm nhẹ so với năm 2017).

Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) 2019 do Ngân hàng Thế giới công bố cũng ghi nhận nhiều nền kinh tế tiếp tục bị đánh giá là tụt hậu về các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới với các rào cản đối với các doanh nhân nữ. Báo cáo Phụ nữ, Kinh doanh và Luật pháp (Women, Business and The Law) 2018 của Ngân hàng Thế giới cho thấy, trong 187 nền kinh tế được đánh giá, có tới 115 nền kinh tế trong đó phụ nữ không thể kinh doanh bình đẳng như đàn ông.

Theo Báo cáo Phụ nữ khởi nghiệp (Report on Women's Entrepreneurship) 2016/2017 của Chi số kinh doanh toàn cầu (Global Entrepreneurship Monitor - GEM), phụ nữ khó trở thành chủ doanh nghiệp hơn và gặp phải nhiều bất lợi hơn nam giới khi khởi nghiệp, trong số 40% các nền kinh tế được đánh giá, các hoạt động ở giai đoạn đầu khởi nghiệp của phụ nữ chỉ bằng một nửa hoặc non nửa so với nam giới.

Một báo cáo mới công bố ngày 01 tháng 10 năm 2019 vừa qua của Ngân hàng HSBC (Phụ nữ làm kinh doanh - She's the Business) cho biết các nữ doanh nhân rất e ngại về sự thiên vị trong quá trình đầu tư, có tới 58% doanh nhân nữ lo lắng về sự thiên vị khi huy động vốn. Trên toàn cầu, một nửa trong số các khoản gọi vốn đầu tư của doanh nhân nữ bị từ chối. Hơn một phần ba (35%) nữ doanh nhân gặp phải định kiến về giới tính khi huy động vốn cho doanh nghiệp của mình. Định kiến này được thể hiện một cách rõ ràng điển hình như trong quá trình đầu tư, các nữ doanh nhân thường "được" đặt các câu hỏi về hoàn cảnh gia đình, uy tín của họ với tư cách là lãnh đạo doanh nghiệp, hay làm sao để phòng tránh thua lỗ...

⁷ Mastercard Index of Women Entrepreneurs (MIWE)

Về mặt chính sách, trên thế giới, rất nhiều chính sách được coi là “mù giới”⁸ hoặc “trung tính về giới”⁹ (không tính đến hoặc cho rằng không tác động đến/không bị tác động bởi các bối cảnh, vai trò, nhu cầu và mối quan tâm khác nhau của phụ nữ, nam giới, bé gái, bé trai), điều này làm cản trở quá trình tiến tới bình đẳng giới thực sự. Trong khi lẽ ra việc xây dựng các chính sách, quy định là cần “tốt hơn”, chứ không chỉ là các quy định “không làm ảnh hưởng xấu đến ai”.

Thúc đẩy bình đẳng giới, chống phân biệt đối xử và xây dựng chính sách “đáp ứng về giới”¹⁰ cũng đang được đưa vào chương trình nghị sự của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), hay các chính sách thương mại của Liên minh Châu Âu (EU), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và nhiều tổ chức quốc tế khác.

Để góp phần thúc đẩy cộng đồng doanh nhân nữ phát triển, tại Việt Nam, đã có một số nghiên cứu về doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) do phụ nữ làm chủ được thực hiện khá đa dạng, có các nghiên cứu liên quan tới hiện trạng và tiềm năng phát triển chung của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (VCCI và ILO, 2007; ILO, 2011; Avin và Kinney, 2014; MBI và HAWASME, 2016; IFC, 2017), hay nghiên cứu đánh giá tiếp cận tài chính của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (IFC, 2006; WB, 2015; IFC, 2017), nghiên cứu về thực tiễn hỗ trợ tốt cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (MBI, 2016), đánh giá nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam (TAF, MBI, VCCI, 2018)... Các nghiên cứu trên đã cung cấp thông tin về tình hình và xu thế phát triển, những cản trở phát triển, thực tiễn tốt của quốc tế trong hỗ trợ, đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam.

Tuy nhiên, các nghiên cứu đó mới chỉ dừng lại ở việc mô tả thực trạng phát triển, trong đó nhấn mạnh tới khó khăn, những rào cản cho phát triển, đóng góp, những thực tiễn hỗ trợ tốt, giải pháp nhằm phát triển DNNVV do phụ nữ làm chủ và một phần đề cập tới nhu cầu hỗ trợ (hỗ trợ cái gì, hỗ trợ như thế nào) mà chưa có một báo cáo nào đánh giá tổng thể về môi trường kinh doanh đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam.

Nguồn lực từ các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cần phải được khai thác để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, do đó việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển rõ ràng là hết sức cần thiết. Đó là những kỳ vọng mà Báo cáo này muốn hướng tới.

⁸ gender-blind.

⁹ gender-neutral.

¹⁰ gender-responsive: Có tính đến và chỉ ra các bối cảnh, vai trò, nhu cầu và mối quan tâm khác nhau của nữ, nam, bé gái, bé trai.

Mục tiêu



Phương pháp

Báo cáo sử dụng phương pháp phân tích các số liệu từ kết quả khảo sát trên 10.000 doanh nghiệp (với nội dung về giới đã được lồng ghép) của Dự án Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tiến hành nghiên cứu và công bố thường niên.

Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong PCI là các doanh nghiệp có Giám đốc, Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị là nữ và những doanh nghiệp có số thành viên/cổ đông là nữ từ 51% trở lên.

Báo cáo cũng sử dụng thông tin từ hai báo cáo VCCI đã thực hiện năm 2018 trong khuôn khổ Chương trình Aus4Reform: Báo cáo rà soát quy định pháp luật liên quan đến doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và Báo cáo sơ bộ về Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đối với các doanh nghiệp nữ.

Phạm vi nghiên cứu

Do nguồn lực của Chương trình Aus4Reform có hạn chế nên việc triển khai một điều tra riêng là không khả thi. Dù vậy, nhóm nghiên cứu đã lồng ghép các nội dung về giới vào cuộc điều tra PCI và tận dụng các dữ liệu có liên quan về môi trường kinh doanh để phân tích, tập trung vào 10 lĩnh vực tiêu biểu và cơ bản như:

- 1 — Gia nhập thị trường;
- 2 — Tiếp cận đất đai;
- 3 — Tính minh bạch;
- 4 — Chi phí thời gian;
- 5 — Chi phí không chính thức;
- 6 — Cạnh tranh bình đẳng;
- 7 — Tính năng động, tiên phong;
- 8 — Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh;
- 9 — Đào tạo lao động; và
- 10 — Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

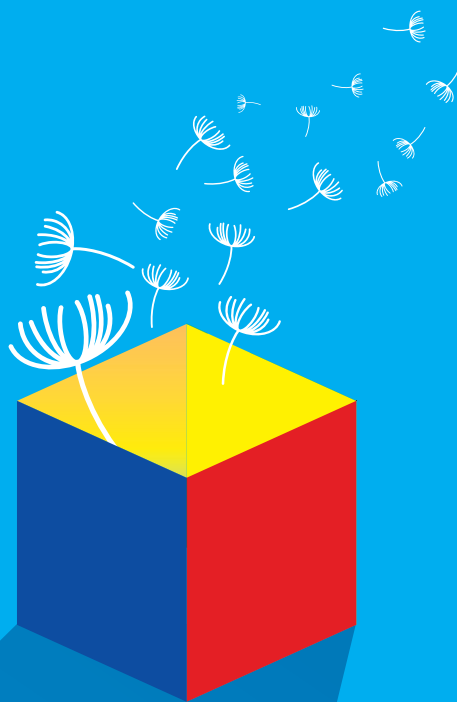
Những chỉ số thành phần này của PCI cũng có nhiều điểm tương đồng với hệ thống các chỉ số của Doing Business do Ngân hàng Thế giới công bố và các nhiệm vụ, giải pháp đặt ra trong các nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.¹¹

Với phạm vi nói trên, Báo cáo này tập trung đánh giá về môi trường kinh doanh qua cảm nhận của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, với 10 lĩnh vực cụ thể của môi trường kinh doanh, nhằm cung cấp những thông tin đầu vào cho quá trình hoạch định và thực thi chính sách, pháp luật về thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam.

¹¹ Loạt Nghị quyết 19 của Chính phủ từ năm 2014 đến 2018 và Nghị quyết 02 năm 2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những giải pháp, nhiệm vụ chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021.

02

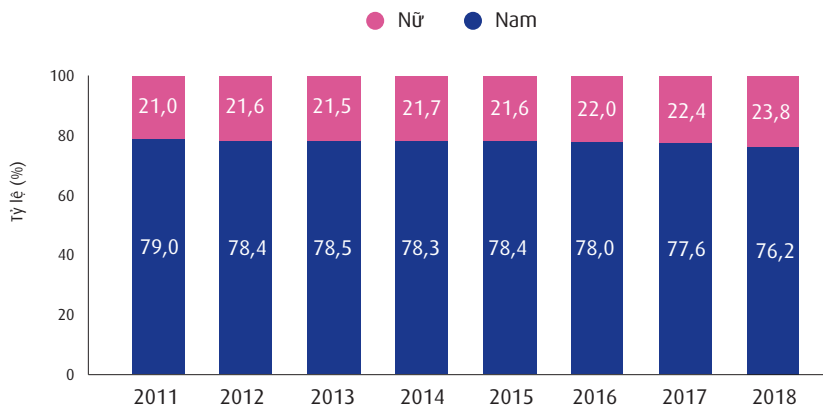
BỨC TRANH VỀ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ TẠI VIỆT NAM



Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Theo kết quả điều tra doanh nghiệp dân doanh của VCCI trên toàn bộ các tỉnh, thành phố từ năm 2011 tới nay (tính từ khi bảng câu hỏi có phân tách về giới của chủ doanh nghiệp trong điều tra), tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có xu hướng gia tăng theo thời gian. Cụ thể, vào năm 2011, khoảng 21% doanh nghiệp đang hoạt động là do phụ nữ làm chủ, đến năm 2018, tỷ lệ này là vào khoảng 24%. Lưu ý rằng điều tra PCI là cuộc điều tra doanh nghiệp thường niên lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng có quy mô lớn nhất được tiến hành hàng năm tại 63 tỉnh, thành phố.

Hình 1: Tỷ lệ doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp trong điều tra PCI 2011-2018



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2011-2018

Kết quả điều tra này của VCCI khá tương đồng với dữ liệu doanh nghiệp chính thức cấp quốc gia. Gần đây nhất, theo số liệu thống kê của Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư¹², trên cơ sở thông tin đăng ký doanh nghiệp có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, tính đến hết tháng 9 năm 2019, toàn quốc có 285.689 doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, chiếm 24% tổng số doanh nghiệp cả nước. Số lượng các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phân theo loại hình doanh nghiệp như sau:

¹² Số liệu cung cấp tại công văn số 217/ĐKKD-CSDL ngày 07/10/2019

☰ Số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở các loại hình doanh nghiệp

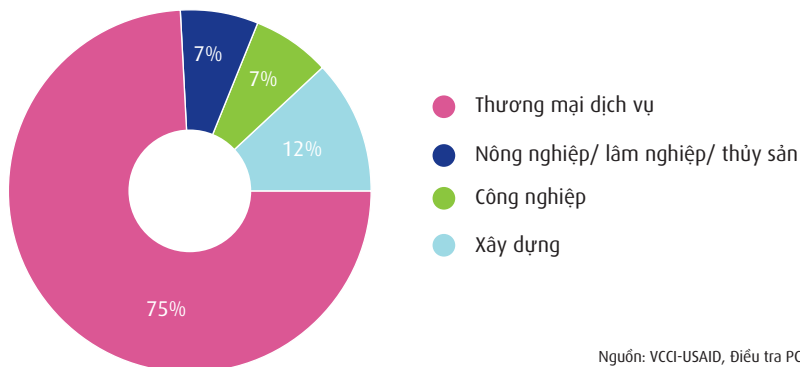
STT	Loại hình	Số lượng
1	Công ty cổ phần	50.840
2	Công ty hợp danh	7
3	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	93.317
4	Công ty TNHH một thành viên	139.953
5	Doanh nghiệp tư nhân	1.572
	Tổng	285.689

Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tháng 10/2019

Phân theo lĩnh vực và ngành nghề

Trong số các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, phân bố theo các ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, số lượng doanh nghiệp tập trung cao nhất ở lĩnh vực thương mại, dịch vụ (75%), 12% trong lĩnh vực xây dựng, 7% trong lĩnh vực công nghiệp, 7% trong lĩnh vực nông nghiệp/lâm nghiệp/thủy sản.

☺ Hình 2: Phân bố doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo lĩnh vực hoạt động



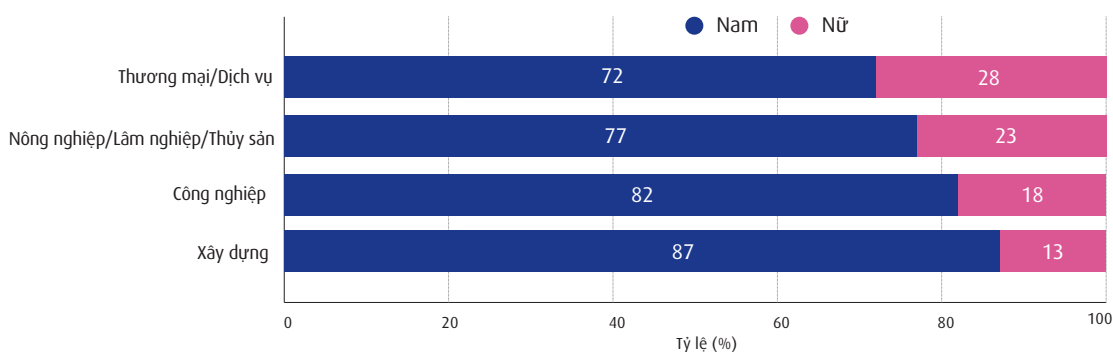
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

Tỷ lệ tương ứng của các doanh nghiệp do nam làm chủ là 59%, 25%, 9% và 7%. Như vậy, chênh lệch diễn ra lớn nhất ở lĩnh vực xây dựng (phân bố doanh nghiệp nam nhiều hơn nữ, 25% so với 12%) và thương mại/dịch vụ (nữ nhiều hơn nam, 75% so với 59%).

Điều này phản ánh thực tế, phụ nữ thường làm chủ doanh nghiệp với ít nguồn lực hơn nam giới. Họ có xu hướng lựa chọn các ngành thương mại dịch vụ, nơi có chi phí thấp nhưng có tiềm năng tăng trưởng cao.

Nếu tính tỷ lệ doanh nghiệp nữ và doanh nghiệp nam theo từng lĩnh vực thì ở tất cả các lĩnh vực, tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đều rất khiêm tốn, lĩnh vực có tỷ lệ cao nhất (thương mại/dịch vụ) cũng chỉ chiếm 28%, thấp nhất là lĩnh vực xây dựng (13%) và công nghiệp (18%).

III Hình 3: Phân bố giới của chủ doanh nghiệp theo lĩnh vực hoạt động chính



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

Nếu phân chia nhỏ hơn ở các ngành, trong số 285.689 doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trên toàn quốc (theo số liệu của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh), lĩnh vực có tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cao nhất là Bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy (chiếm tới 39,99%), lĩnh vực có tỷ lệ thấp nhất là Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội, lĩnh vực có tỷ lệ thấp nhất là Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội, Khai khoáng (chỉ có 0,53%), Sản xuất phân phối điện, nước, gas (0,59%).

III Phân bố doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong các ngành kinh tế

STT	Ngành nghề	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	2.498	0,87%
2	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.526	0,53%
3	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.607	1,26%
4	Công nghiệp chế biến, chế tạo	36.662	12,83%
5	Xây dựng	25.666	8,98%
6	Dịch vụ việc làm; du lịch; cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác	17.989	6,30%
7	Bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy	114.251	39,99%
8	Sản xuất phân phối điện, nước, gas	1.680	0,59%
9	Vận tải kho bãi	14.702	5,15%
10	Hoạt động dịch vụ khác	5.502	1,93%

STT	Ngành nghề	Số lượng	Tỷ lệ (%)
11	Kinh doanh bất động sản	8.172	2,86%
12	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	2.329	0,82%
13	Giáo dục và đào tạo	9.109	3,19%
14	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	17.015	5,96%
15	Khoa học, công nghệ; dịch vụ tư vấn, thiết kế; quảng cáo và chuyên môn khác	17.847	6,25%
16	Khai khoáng	1.505	0,53%
17	Thông tin và truyền thông	5.629	1,97%

Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tháng 10/2019

Phân theo tỉnh/thành phố

Ở các địa phương có sự chênh lệch doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ khá lớn ở tỉnh có tỷ lệ cao nhất và thấp nhất. Tỷ lệ lớn nhất là 28,3% (Tp. Hồ Chí Minh) và thấp nhất là Đồng Nai (chỉ có 5,1%). Tại năm thành phố lớn nhất của Việt Nam, bên cạnh Tp. Hồ Chí Minh có tỷ lệ cao nhất toàn quốc thì các tỷ lệ này là 26,7% (Hải Phòng), 26% (Hà Nội), 25,1% (Đà Nẵng) và 21,8% (Cần Thơ). Đường như các vùng kinh tế sôi động hơn có tỷ lệ trung bình chung cao hơn.

☰ 10 địa phương có tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cao nhất và thấp nhất

Tỷ lệ cao nhất

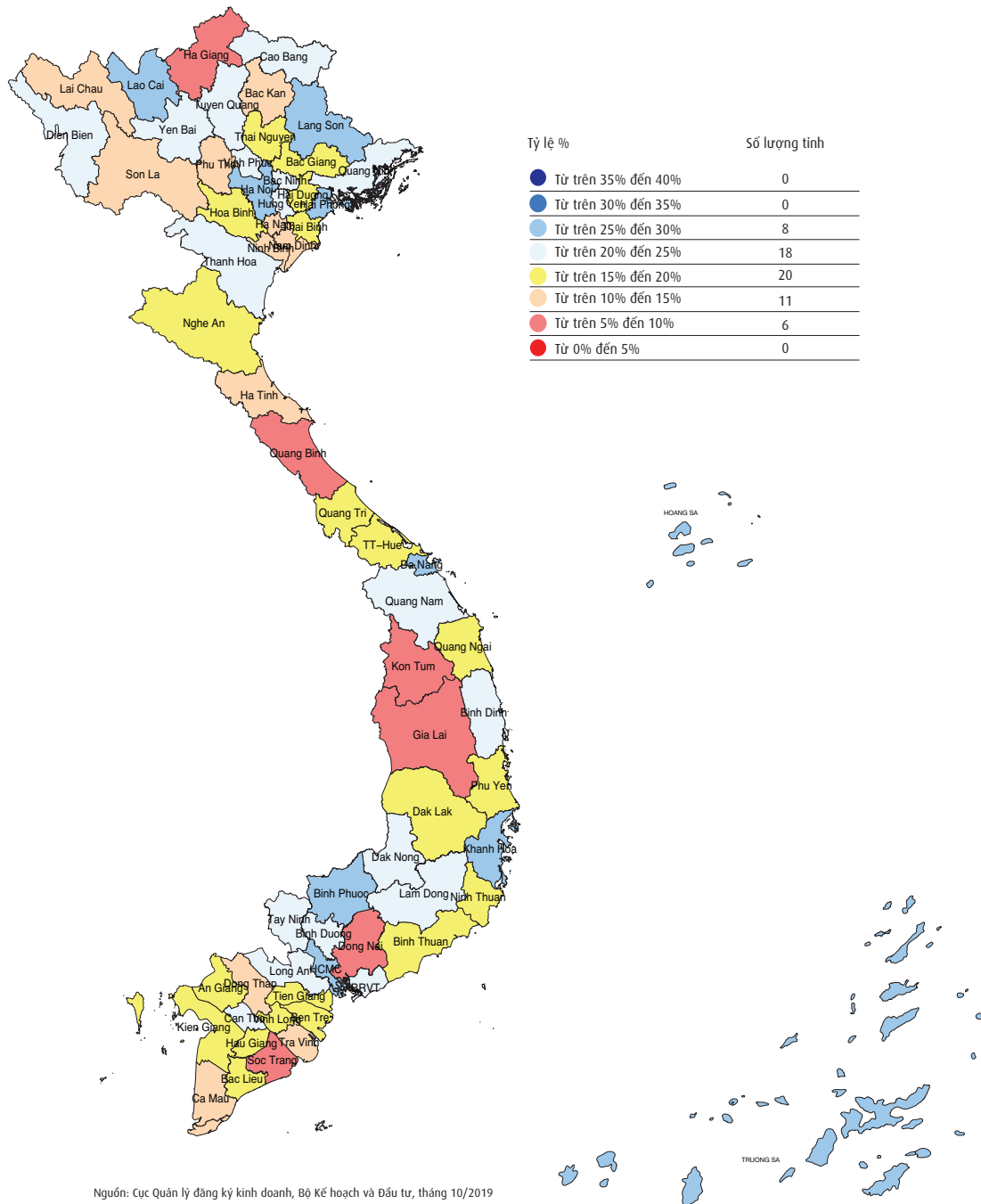
STT	Tỉnh/Thành phố	Tỷ lệ (%)
1	Tp. Hồ Chí Minh	28,26
2	Hà Nội	26,92
3	Hải Phòng	26,75
4	Khánh Hòa	26,39
5	Lào Cai	25,61
6	Lạng Sơn	25,49
7	Bình Phước	25,48
8	Đà Nẵng	25,1
9	Quảng Ninh	24,95
10	Lâm Đồng	24,77

Tỷ lệ thấp nhất

STT	Tỉnh/Thành phố	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Nai	5,12
2	Quảng Bình	6,83
3	Sóc Trăng	7,03
4	Hà Giang	8,03
5	Gia Lai	8,08
6	Kon Tum	8,09
7	Ninh Bình	11,61
8	Hà Nam	11,82
9	Phú Thọ	12,04
10	Cà Mau	12,37

Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tháng 10/2019

Hình 4: Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại các tỉnh/thành phố trên toàn quốc



Đặc điểm của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Phần này cung cấp thông tin về đặc điểm cơ bản của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Đó là về trình độ học vấn, xuất phát điểm của doanh nghiệp, quy mô doanh nghiệp... Những đặc điểm này rút ra từ kết quả Điều tra doanh nghiệp của VCCI trong dự án Điều tra PCI.

Chủ doanh nghiệp có trình độ học vấn cao

Có tới 68,6% nữ chủ doanh nghiệp có trình độ đại học và thạc sỹ quản trị kinh doanh, so với 71,9% ở nam, điều này cho thấy khoảng cách về giới trong lĩnh vực giáo dục đã được cải thiện đáng kể và phụ nữ có đầy đủ năng lực và trình độ để đảm trách các vị trí quản lý. Theo báo cáo PCI thì trình độ học vấn của chủ doanh nghiệp tương quan thuận với trình độ quản trị doanh nghiệp, đặc biệt là chủ doanh nghiệp có bằng tốt nghiệp quản trị kinh doanh MBA.

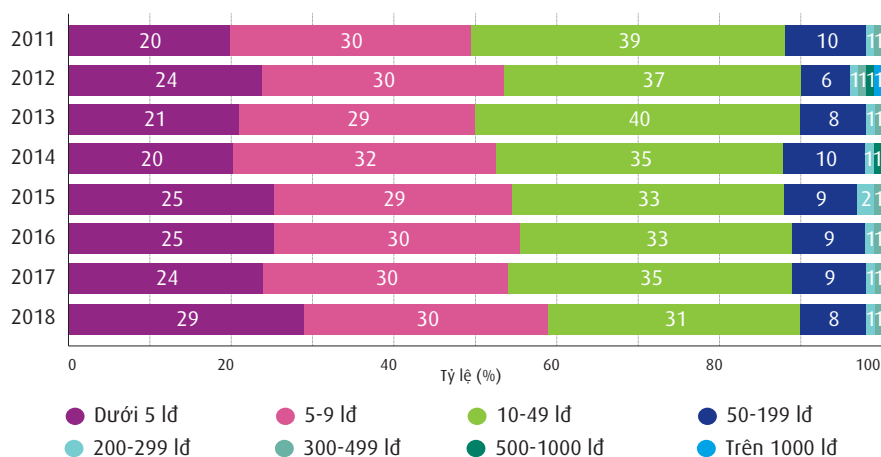
Chủ yếu xuất phát từ hộ kinh doanh

Có tới 68,6% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ từng là hộ kinh doanh. Các loại hình khác (doanh nghiệp được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước địa phương hoặc trung ương, doanh nghiệp có một số cổ phần/phần vốn do cơ quan nhà nước hoặc doanh nghiệp nhà nước nắm giữ) chiếm tỷ lệ rất nhỏ (dưới 3,5%), và chỉ có 0,4% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có cổ phiếu hiện đang được niêm yết tại Sàn giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội.

Quy mô sử dụng lao động nhỏ

Xét về quy mô sử dụng lao động, qua các năm điều tra PCI, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chủ yếu sử dụng dưới 50 lao động. Những con số này và những số liệu về vốn kinh doanh cho thấy các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chủ yếu ở quy mô nhỏ và siêu nhỏ.

Hình 5: Quy mô lao động của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ qua các năm điều tra PCI



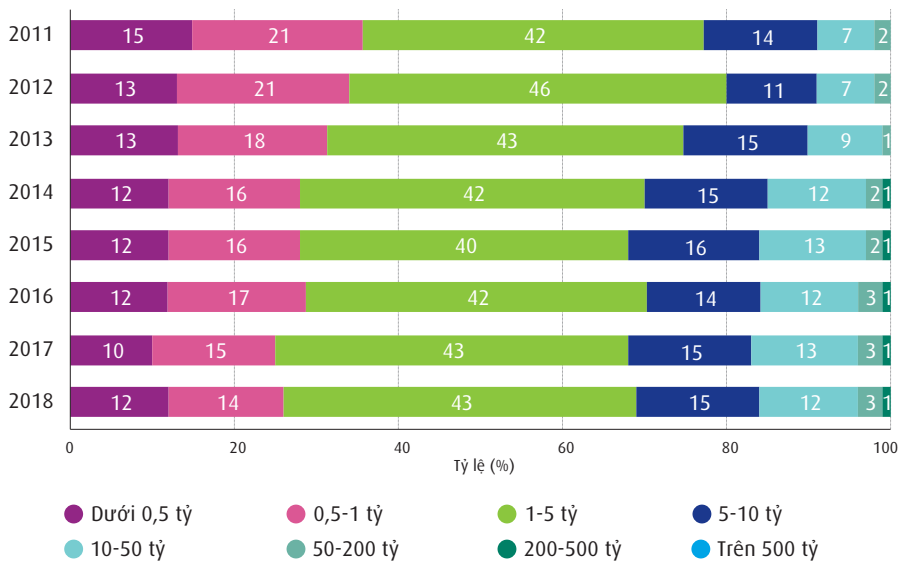
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2011-2018

Quy mô vốn khiêm tốn

Qua các năm, quy mô vốn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thay đổi không đáng kể, chủ yếu ở khoảng 1-5 tỷ đồng. Tính chung thì số doanh nghiệp có vốn kinh doanh từ 5 tỷ đồng trở xuống là tỷ lệ nhiều nhất (khoảng 68-70% tổng số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong năm năm trở lại đây). Tỷ lệ này cao hơn so với các doanh nghiệp nam làm chủ (ở khoảng 64-65%). Điều này cho thấy các doanh nghiệp do nam làm chủ có vốn kinh doanh lớn hơn.

Theo điều tra PCI 2018, 84% tổng số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có tổng số vốn kinh doanh dưới 10 tỷ đồng. Còn số liệu thống kê của Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì đến 94,54% doanh nghiệp nữ làm chủ khai báo mức vốn đăng ký từ 0 đến 10 tỷ đồng. Điều này khá phổ biến trên thực tiễn khi số vốn kinh doanh, số vốn phản ánh tài sản thực tế của doanh nghiệp, thường thấp hơn vốn đăng ký.

Hình 6: Quy mô vốn của chủ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ qua các năm PCI 2011-2018



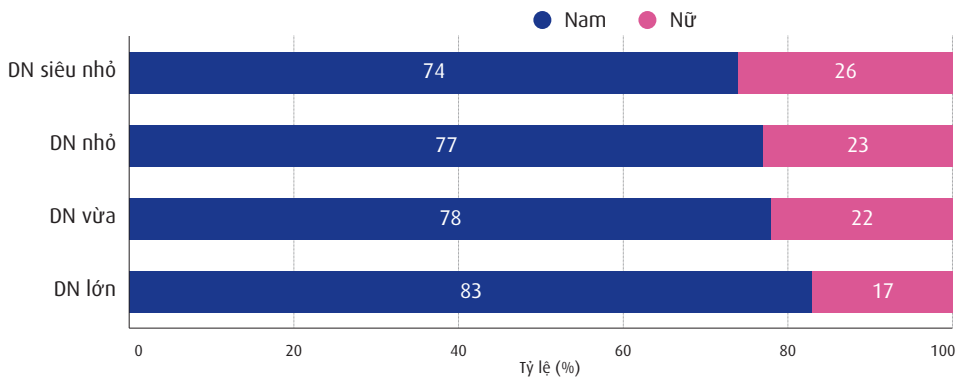
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2011-2018

Theo PCI 2018, có tới 63% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ làm chủ có quy mô siêu nhỏ, 31% là doanh nghiệp nhỏ, chỉ có 5% là doanh nghiệp vừa và 1% là doanh nghiệp lớn¹³.

¹³ Phân loại quy mô doanh nghiệp trong PCI 2018 xác định theo quy định tại Nghị định 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Xét ở bất cứ tiêu chí về quy mô nào thì tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đều bé hơn doanh nghiệp do nam làm chủ. Một cách diễn đạt khác là, quy mô vốn doanh nghiệp càng tăng thì tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ càng thấp.

Hình 7: Phân bố giới của chủ doanh nghiệp theo quy mô doanh nghiệp

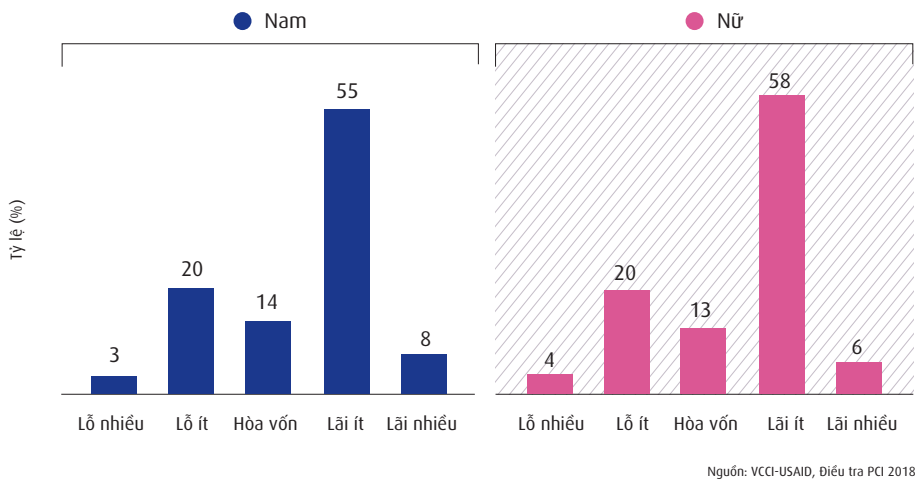


Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Nghiên cứu PCI khảo sát doanh nghiệp về tình hình sản xuất kinh doanh đánh giá theo mức độ: lãi nhiều, lãi ít, hòa vốn, lỗ ít, lỗ nhiều. Hơn ½ số doanh nghiệp cả nam và nữ đều ở tình trạng lãi ít, chỉ có khoảng 6-8% là lãi nhiều. Bảng sau cho thấy tình hình sản xuất kinh doanh của cả doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và nam làm chủ là gần tương tự nhau, tỷ lệ có lãi ở doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là 64%, cao hơn so với 63% ở doanh nghiệp do nam làm chủ.

Hình 8: Tình hình sản xuất kinh doanh theo giới của chủ doanh nghiệp



Dù gặp rất nhiều khó khăn như vậy, nhưng tình hình sản xuất kinh doanh của cả doanh nghiệp do phụ nữ và nam làm chủ là tương tự nhau, chứng tỏ năng lực điều hành công việc sản xuất kinh doanh của chủ doanh nghiệp là nữ giỏi không thua kém chủ doanh nghiệp nam.

Khó khăn của doanh nghiệp

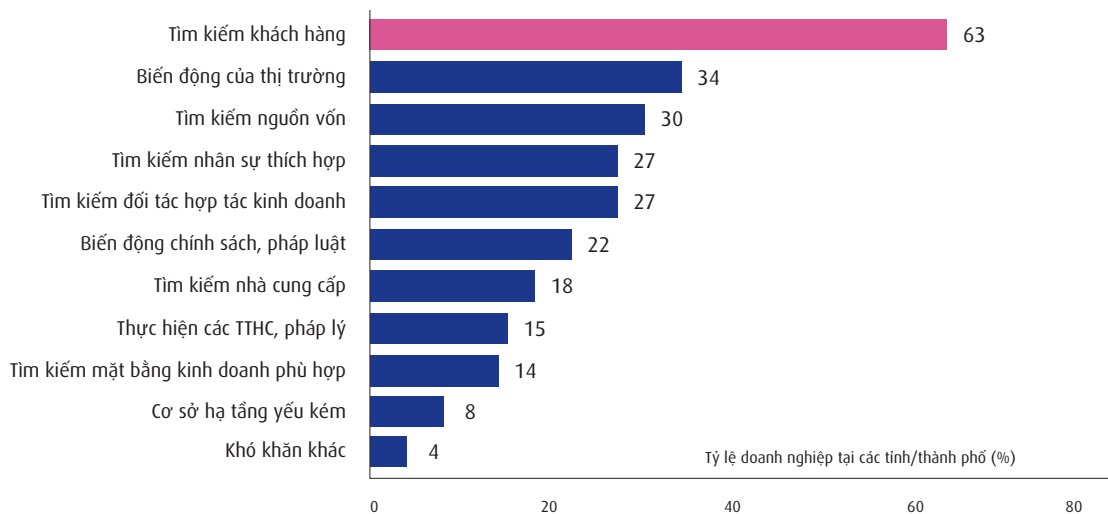
Nhiều báo cáo nghiên cứu trước đây cho thấy doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có các điểm mạnh về sự bền bỉ khi đối mặt với khó khăn, quan tâm hơn đến các chính sách cho người lao động, đóng góp cho xã hội do đặc thù tính giới của phụ nữ lãnh đạo. Và mặc dù việc tăng cường trao quyền cho phụ nữ trong nền kinh tế đang được đẩy mạnh, nhưng các DNNVV do phụ nữ làm lãnh đạo còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Đó thường là áp lực phải cân bằng giữa công việc và cuộc sống gia đình. Đây dù là mục tiêu chung của mọi doanh nhân, dù thuộc bất kỳ giới tính nào, tuy nhiên nữ doanh nhân tại Việt Nam đang đối mặt với định kiến xã hội và quan niệm sai lầm về vai trò của phụ nữ.

Bên cạnh những khó khăn của thị trường mà mọi doanh nghiệp phải đối mặt, thì định kiến về khả năng kinh doanh của phụ nữ là một rào cản lớn đối với họ. Theo một nghiên cứu đăng trên Quartz¹⁴ tháng 12 năm 2017, phụ nữ đầy nhiệt huyết khởi nghiệp nhưng các nhà đầu tư có sự phân biệt đối xử, do đó số lượng phụ nữ khởi nghiệp rất khiêm tốn. Các nhà đầu tư hay quan tâm tới vấn đề tại sao phụ nữ thất bại thay vì lý do tại sao họ thành công; đối với doanh nghiệp nam, các nhà đầu tư thường đánh giá cao triển vọng kinh doanh, nhưng lại bày tỏ lo lắng làm thế nào chủ doanh nghiệp nữ có thể bảo vệ họ.

Tìm kiếm khách hàng là khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Trong điều tra PCI, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn, trong đó trở ngại lớn nhất là tìm kiếm khách hàng (63% doanh nghiệp trả lời gặp khó khăn này), sau đó là biến động thị trường và tìm kiếm nguồn vốn.

Hình 9: Những khó khăn của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

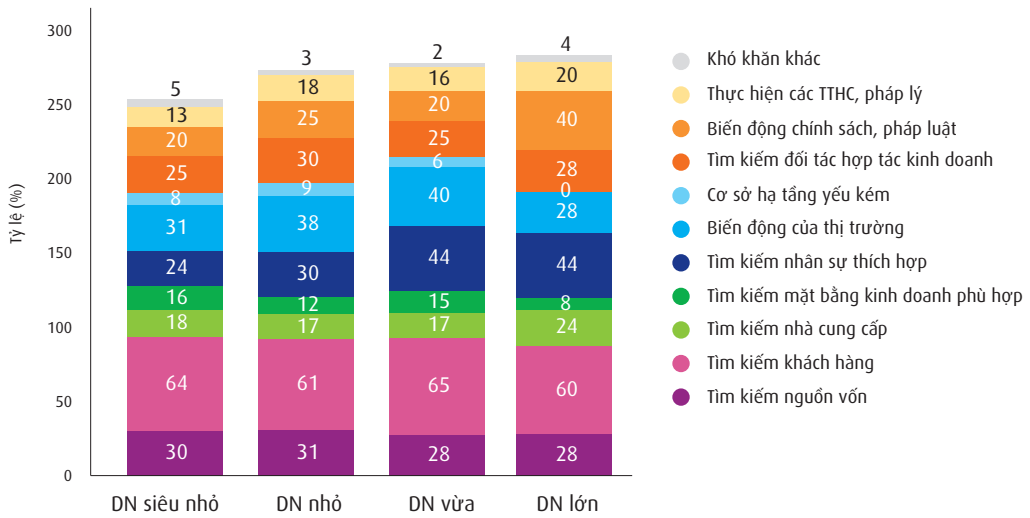


Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

¹⁴ Why it's so hard to be a female business owner in America, in five charts, ngày 07/12/2017, truy cập tại <https://qz.com/1149300/why-starting-a-business-as-a-woman-is-so-hard-in-five-charts/>

Xét theo quy mô doanh nghiệp, cho dù doanh nghiệp ở quy mô nào (siêu nhỏ, nhỏ, vừa hoặc lớn) thì đều có ba khó khăn lớn nhất như trên. Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về tổng thể có xu hướng gia tăng theo quy mô. Nguyên nhân chính là từ việc tìm kiếm nhân sự, về biến động chính sách pháp luật, thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC) pháp lý.

Hình 10: Khó khăn của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo quy mô doanh nghiệp



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

Ngoài khó khăn trong tìm kiếm khách hàng, tìm kiếm đối tác kinh doanh cũng là mối lo lắng lớn. Điều này cho thấy thực tế là phụ nữ kinh doanh tại Việt Nam luôn thiệt thòi hơn so với nam giới bởi cơ hội kinh doanh lệ thuộc vào các mối quan hệ. Sau giờ làm việc, nếu nam giới vẫn có thể giao tiếp ngoài xã hội, tìm kiếm cơ hội kinh doanh thì trái lại phần lớn phụ nữ phải trở về nhà. Thiên chức bẩm sinh của phụ nữ đã thu hẹp khả năng họ tiếp cận với nhiều cơ hội.

Khả năng liên kết, hợp tác của nữ giới trong khởi sự kinh doanh cũng thấp hơn so với nam giới. Theo tạp chí Forbes Việt Nam tháng 3/2016, tỷ lệ nhóm phụ nữ sáng lập kinh doanh từ 3 người trở lên chỉ đạt 5,5% so với nam giới tỷ lệ này là 15,7%.

Phụ nữ gặp khó khăn hơn nam giới khi tiếp cận nguồn vốn

Số liệu PCI 2018 cho thấy, nếu có các khoản vay, thời hạn trung bình của khoản vay là 16,41 tháng đối với doanh nghiệp do nam giới làm chủ và chỉ có 13,74 tháng đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, đây là một sự chênh lệch đáng kể.

Mặc dù đa số không cho rằng các Ngân hàng thương mại áp đặt điều kiện tín dụng bất lợi cho doanh nghiệp nhưng có tới 87,54% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tin rằng không thể vay vốn nếu không có tài sản thế chấp, 64,43% cho rằng doanh nghiệp nhà nước được ưu ái hơn khi lãi suất và các điều kiện cho vay đối với doanh nghiệp tư nhân luôn khó khăn. Vẫn còn 40,5% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nhận thấy thủ tục vay vốn còn phiền hà. Trong trường hợp không tiếp cận được vốn từ ngân hàng, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thường phải vay mượn từ người thân và bạn bè để có vốn kinh doanh (61,9% trả lời).

Một tỷ lệ rất lớn (71,46% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trả lời) không đủ điều kiện để hưởng các điều khoản vay ưu đãi nằm trong chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Nhà nước. Nếu được vay ưu đãi, thì dường như doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ vẫn bị đòi hỏi thế chấp nhiều hơn, khi chỉ có 25,16% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cho rằng có điều khoản ưu đãi là “ít yêu cầu thế chấp hơn” so với tỷ lệ 31,23% ở doanh nghiệp nam.

Trong thực tế ở Việt Nam, nhiều chủ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ còn gặp khó khăn khi không có sự ủng hộ của người chồng và gia đình trong quá trình vay vốn. Cũng có những trường hợp phụ nữ chưa thực sự tự tin khi nộp hồ sơ vay vốn nên họ thường rất thận trọng và yêu cầu ở mức thấp.

Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ gặp khó khăn trong tuyển dụng nhân sự

Tuyển dụng lao động ở cấp càng cao thì càng khó khăn đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Chỉ có 34,1% cho rằng dễ tuyển dụng cán bộ kỹ thuật, con số này là 27,4% đối với quản lý, giám sát và 17,3% đối với giám đốc điều hành, quản lý tài chính. Chất lượng lao động tại địa phương cũng là mối lo ngại, chỉ có 29,3% cho rằng lao động tại tỉnh đáp ứng hoàn toàn nhu cầu sử dụng, 61,9% cho rằng chỉ đáp ứng một phần.

Lo ngại về biến động chính sách và pháp luật

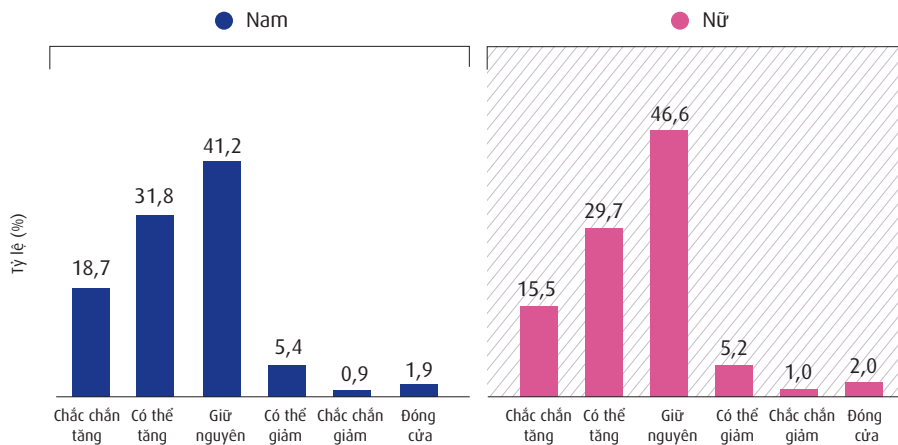
Đa số các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ không dự đoán được sự thay đổi trong quy định pháp luật của trung ương, thay đổi trong quy định pháp luật của tỉnh, của việc thực hiện của tỉnh đối với quy định pháp luật trung ương khi các tỷ lệ trả lời không bao giờ hoặc hiếm khi dự đoán được tương ứng lên tới 70,8%, 66,7% và 70,7%, trong khi đối với các doanh nghiệp do nam làm chủ, tỷ lệ này thấp hơn, là 66,3%, 63,1% và 65,8%.

Về các lo ngại khác, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nhận thấy mình còn khó khăn đối với việc cung ứng nguyên vật liệu, thiếu thông tin, kiến thức, kỹ năng, năng lực quản trị doanh nghiệp hạn chế, thiếu sự kết nối, khó khăn trong cân bằng công việc kinh doanh và gia đình và lo ngại việc thiếu người kế nghiệp...

Triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp

Đánh giá triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp trong 2 năm tới, chỉ có 8% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nghĩ tới việc giảm quy mô kinh doanh hoặc đóng cửa, điều này cho thấy các chủ doanh nghiệp là nữ vẫn rất lạc quan, có niềm tin lớn về triển vọng kinh doanh và rất quyết liệt trong công việc kinh doanh của mình (tỷ lệ này ở PCI 2017 là 8,6%).

Hình 11: Triển vọng kinh doanh trong 2 năm tới theo giới của chủ doanh nghiệp



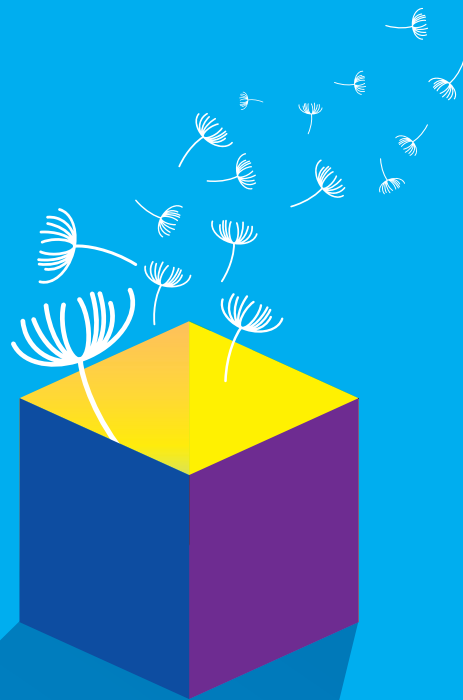
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

Trong bối cảnh số lượng doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động vẫn rất lớn¹⁵ thì sự nỗ lực và lạc quan này của các chủ doanh nghiệp nữ là rất đáng khích lệ.

¹⁵ Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động trong năm 2018 là 90.651 doanh nghiệp, tăng 49,7% so với năm trước, trong đó 14.880 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, chiếm 91,2% và tăng 34,2%; 9 tháng đầu năm 2019, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 21,2 nghìn doanh nghiệp, doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể là 28,2 nghìn doanh nghiệp.

03

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH DƯỚI GÓC NHÌN CỦA DOANH NGHIỆP NỮ DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ



Việc đánh giá về môi trường kinh doanh trong phần này dựa trên dữ liệu của Dự án PCI - chỉ số đánh giá về chất lượng điều hành cấp tỉnh dưới góc nhìn của các doanh nghiệp tư nhân, phản ánh mức độ thuận lợi của môi trường kinh doanh địa phương với 10 chỉ số thành phần như đã đề cập ở mục Phạm vi nghiên cứu trong phần Những vấn đề chung của Báo cáo này.

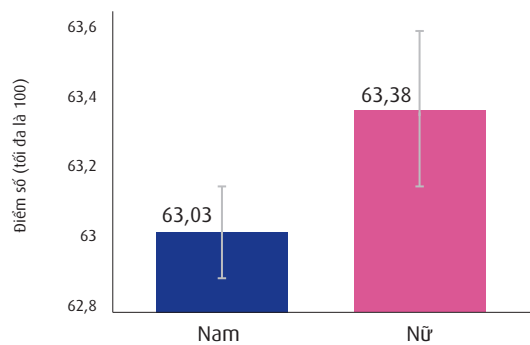
Kết quả PCI trong phần đánh giá này là dựa trên đánh giá điểm số ở cấp độ doanh nghiệp riêng trong năm điều tra gần nhất đã công bố (PCI 2018). Điểm số chỉ số PCI chung và các chỉ số thành phần trong Báo cáo này, do vậy có thể khác với kết quả PCI đã công bố, vì kết quả đánh giá trong Báo cáo PCI là dữ liệu ở cấp tỉnh và so sánh theo thời gian từ 2006 đến 2018.



Đánh giá chung

Về tổng quan, tính toán cho cả 10 chỉ số thành phần đã nêu, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nhìn nhận về môi trường kinh doanh lạc quan hơn so với doanh nghiệp do nam giới làm chủ, kể cả tính theo quy mô cấp vùng, theo quy mô doanh nghiệp hay theo số năm hoạt động của doanh nghiệp. Dù rằng mức độ đánh giá bình quân chỉ ở mức trung bình khá.

📊 Hình 12: Đánh giá tổng quan môi trường kinh doanh của doanh nghiệp phân theo giới



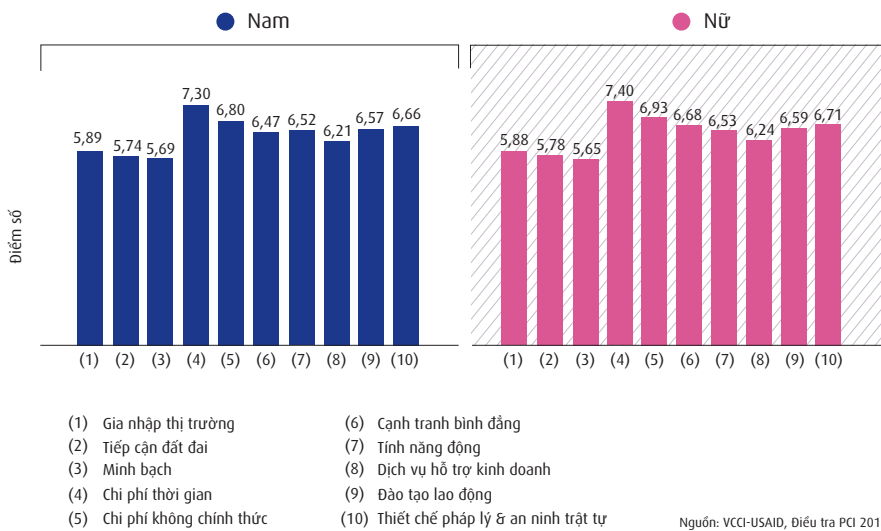
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

Theo Chỉ số nữ doanh nhân của Mastercard (MIWE) 2019 vừa được công bố ngày 26 tháng 11 năm 2019, Việt Nam nằm trong топ 20 thị trường là nơi các nữ doanh nhân có được điều kiện thuận lợi nhất để phát triển, là một trong 7 thị trường được đánh giá có mức độ bình đẳng giới cao trong các hoạt động khởi nghiệp, tuy nhiên mới chỉ đạt 63,4 điểm/100 và thực tế vẫn còn nhiều vấn đề cần cải thiện.

Đánh giá các lĩnh vực điều hành kinh tế địa phương

Trong các yếu tố của môi trường kinh doanh, Chi phí thời gian được đánh giá tốt nhất (điểm rất tốt), sau đó đến chi phí không chính thức, thiết chế pháp lý, cạnh tranh bình đẳng. Ba lĩnh vực được cho là kém thuận lợi nhất là tính minh bạch, tiếp cận đất đai và gia nhập thị trường, ở mức tương đối thấp (điểm các chỉ số thành phần được tính theo thang điểm 1-10).

Hình 13: Đánh giá các lĩnh vực điều hành kinh tế tại các địa phương

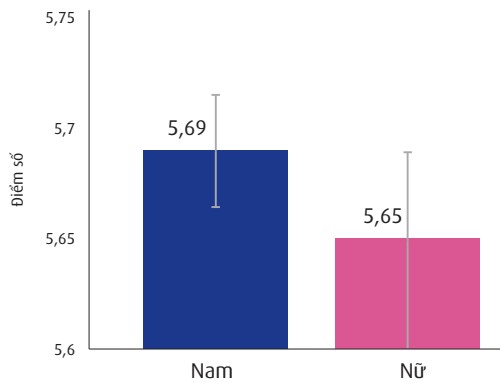


Nhìn vào hình trên, có 2 chỉ số mà doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cảm thấy kém thuận lợi hơn nam giới, đó là tính minh bạch và gia nhập thị trường. Các chỉ số khác gần như tương đương nhau. Kém nhất là tính minh bạch.

VỀ TÍNH MINH BẠCH

Chỉ số thành phần này được đánh giá là kém nhất trong 10 chỉ số thành phần PCI được đánh giá, chỉ đạt 5,65 điểm từ đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và 5,69 điểm từ các doanh nghiệp do nam giới làm chủ.

 **Hình 14: Điểm số của Tính minh bạch**



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

PCI 2018 đánh giá về tính minh bạch và tiếp cận thông tin ở hai nội dung lớn: i) Khả năng tiếp cận thông tin; và ii) Việc tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của địa phương.

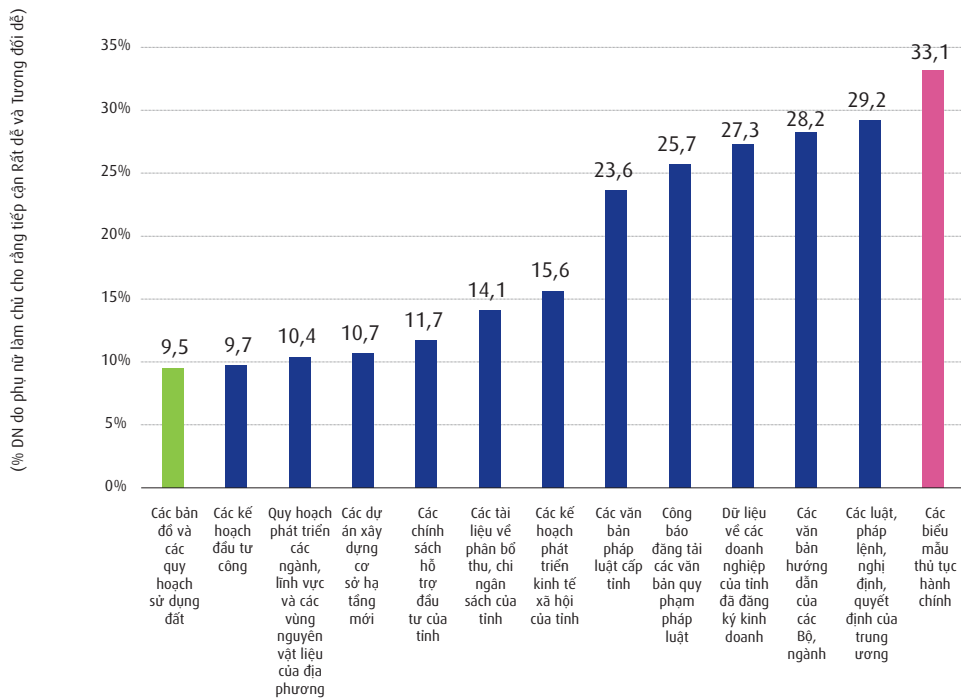
Đối với Khả năng tiếp cận thông tin, PCI đánh giá 04 nội dung chính:

- Khả năng tiếp cận¹⁶ của doanh nghiệp tới các tài liệu của cơ quan nhà nước trong tỉnh;
- Việc cần có mối quan hệ với cơ quan nhà nước để tiếp cận các thông tin, tài liệu;
- Việc truy cập website của chính quyền tỉnh, thành phố;
- Việc dự đoán được những thay đổi ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Đánh giá khả năng tiếp cận các thông tin, tài liệu của các cơ quan nhà nước trong tỉnh của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, tỷ lệ cho rằng có thể tiếp cận dễ dàng là rất thấp. Các biểu mẫu TTHC được coi là dễ tiếp cận nhất trong số các tài liệu nhưng cũng chỉ có 33,1% cho rằng dễ tiếp cận loại thông tin này, 29,2% thấy dễ tiếp cận các luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định của trung ương và khó tiếp cận nhất là các bản đồ và các quy hoạch sử dụng đất. Chỉ có 9,5% các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cho rằng dễ tiếp cận thông tin này, tỷ lệ với Các kế hoạch đầu tư công là 9,7% và quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và các vùng nguyên vật liệu của địa phương là 10,4%.

¹⁶ Với các mức độ: Rất dễ; Tương đối dễ; Có thể tiếp cận; Có thể, nhưng khó và Không thể tiếp cận

11 Hình 15: Khả năng tiếp cận các thông tin, tài liệu của các cơ quan nhà nước trong tỉnh



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

Những loại thông tin trên đều không phải là thông tin mật, theo quy định pháp luật là phải công khai nhưng việc tiếp cận lại không hề dễ dàng. Đối với loại thông tin khó tiếp cận nhất là các bản đồ, quy hoạch sử dụng đất, mặc dù những thông tin này có tác động rất lớn tới quyền lợi của người dân và nhà đầu tư, công tác công bố thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quy định rất cụ thể, là yêu cầu bắt buộc trong Luật Đất đai, Luật Phòng chống tham nhũng và nhiều văn bản pháp lý khác nhau, nhưng trên thực tế, việc thực hiện còn nhiều hạn chế.

Báo cáo về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2018 cũng cho thấy, mặc dù các địa phương trên cả nước đã có nhiều chuyển biến trong công tác công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giá bồi thường thu hồi đất, song vẫn chỉ ở mức khiêm tốn và đây vẫn là khía cạnh chính quyền địa phương cần cải thiện¹⁷. Điểm nội dung thành phần mới về Tiếp cận thông tin chỉ đạt 0,81 điểm (trên thang điểm từ 0,25 đến 2,5), đóng góp ít nhất cho tổng điểm chung của chỉ số nội dung 'Công khai, minh bạch'. Tiếp đến là nội dung thành phần 'Công khai, minh bạch quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất, khung giá bồi thường thu hồi đất', với mức điểm trung bình toàn quốc chỉ đạt 1,34 điểm.

¹⁷ Một kết quả nhất quán đáng chú ý khi đo mức độ công khai, minh bạch đất đai là, từ năm 2011 đến 2018, chưa đến một phần tư dân số có thể truy cập thông tin về quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất của địa phương và chưa đến một phần ba có cơ hội đóng góp ý kiến cho các bản quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất ở địa phương.

Một số địa phương đã xây dựng Cổng thông tin quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý nhưng quá trình tiếp cận thông tin quy hoạch qua hình thức này thực tế còn rất nhiều khó khăn, vướng mắc.

Đối với tài liệu về ngân sách của tỉnh, có tới 66,4% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và 71,6% doanh nghiệp nam cho rằng các tài liệu này có vai trò lớn đối với hoạt động kinh doanh của mình, nhưng chỉ có 14,1% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và 13,8% doanh nghiệp do nam giới làm chủ cho rằng tài liệu này là dễ tiếp cận.

Đáng lưu ý, có tới 66,7% cho rằng hiếm khi hoặc không bao giờ dự đoán được thay đổi trong quy định pháp luật của tỉnh và 70,7% hiếm khi hoặc không bao giờ dự đoán được việc thực hiện của tỉnh đối với quy định pháp luật trung ương.

Ở một vấn đề khác, khi được hỏi về các thủ tục mua sắm, đấu thầu của cơ quan nhà nước, thì tỷ lệ lớn nhất doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trả lời cho rằng thường biết thông tin qua bạn bè, người quen (26%) trong khi các nguồn thông tin khác tiếp cận được khó khăn hơn: qua website/cổng thông tin của tỉnh (18%), qua báo chí của tỉnh (7%), qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (18%), qua báo Đấu thầu (11%), cơ quan mời thầu thông báo trực tiếp cho doanh nghiệp (21%).

Đối với việc Tham gia vào hoạch định chính sách của địa phương, PCI đánh giá 03 nội dung chính:

- Doanh nghiệp có được mời tham gia góp ý kiến vào các dự thảo văn bản pháp luật của địa phương?
- Doanh nghiệp có biết tổ chức hay cơ quan nào tại tỉnh sẽ tiếp nhận và giải quyết khó khăn, vướng mắc của mình hay không?
- Trong tỉnh, nếu một cán bộ nhà nước làm trái với quy định của pháp luật (như thanh tra, kiểm tra thái quá, hạch sách, nhũng nhiễu, đòi các khoản chi không chính thức...), doanh nghiệp có thể phản ánh lên cấp trên của người đó để được giải quyết đúng?

Có tới 82,6% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trả lời cho biết chưa từng được mời tham gia góp ý vào các dự thảo văn bản pháp luật của địa phương.

Mặc dù Nghị quyết 35 năm 2016 của Chính phủ yêu cầu các địa phương phải tổ chức ít nhất 2 cuộc đối thoại, gặp mặt doanh nghiệp hàng năm, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã quy định cơ quan soạn thảo có trách nhiệm đăng tải công khai dự thảo trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố và lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan, các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quy định, nhưng số liệu trên cho thấy hoạt động này chưa thực sự được doanh nghiệp đánh giá cao.

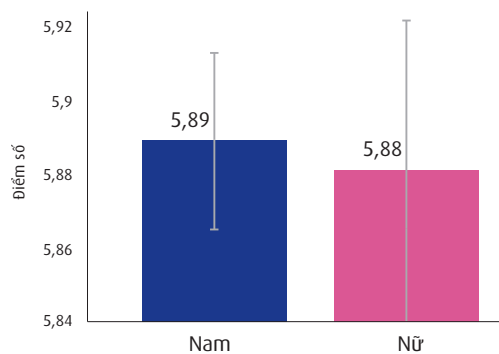
Điểm chỉ tiêu trong PCI là 'Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định' cấp tỉnh năm 2018 vẫn ở mức trung bình, dao động trong khoảng điểm từ 4,55 đến 6 điểm (trên thang điểm từ 1-10).

Trong một nền kinh tế hội nhập toàn cầu, người dân, doanh nghiệp đòi hỏi nhiều hơn về mức độ công khai, minh bạch, yêu cầu cao hơn về chất lượng và mức độ đầy đủ của thông tin lẫn cách thức tiếp cận thông tin. Những số liệu trên đòi hỏi chính quyền các địa phương cần thúc đẩy cải thiện hơn nữa tính minh bạch trong điều hành kinh tế của mình.

VỀ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG

Chỉ số thành phần này cũng được đánh giá là kém, là một trong ba chỉ số có điểm thấp nhất trong 10 chỉ số được đánh giá, 5,88 điểm từ đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và 5,89 điểm từ các doanh nghiệp do nam giới làm chủ.

Hình 16: Điểm số Gia nhập thị trường theo giới của chủ doanh nghiệp



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

PCI đánh giá chỉ số Gia nhập thị trường ở các nội dung:

- Số ngày đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN);
- Số ngày thay đổi ĐKDN;
- Đánh giá quá trình thực hiện thủ tục ĐKDN hoặc thay đổi ĐKDN (tỷ lệ doanh nghiệp làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới...);
- Các loại giấy phép ngoài giấy chứng nhận ĐKDN, tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn khi xin các giấy phép;
- Thời gian chờ đợi để nhận được tất cả các giấy tờ cần thiết để chính thức đi vào hoạt động.

Với những nội dung trên, nhìn chung các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và doanh nghiệp do nam giới làm chủ đều đánh giá việc gia nhập thị trường còn nhiều khó khăn. 20% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cho biết phải chờ hơn một tháng mới có đủ các loại giấy phép cần thiết, 34% cho biết gặp khó khăn khi xin các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, 31% gặp khó khăn khi làm thủ tục xin giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy.

Đánh giá quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp hoặc thay đổi đăng ký doanh nghiệp, chỉ có 55% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cho rằng thủ tục được niêm yết công khai, 77% nhận thấy hướng dẫn về thủ tục rõ ràng và đầy đủ, 42% đánh giá là cán bộ am hiểu chuyên môn, 53% cho rằng cán bộ nhiệt tình, thân thiện và chỉ có 34% đánh giá ứng dụng công nghệ thông tin là tốt.

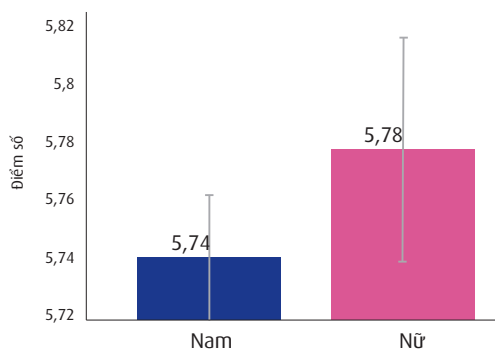
Theo Báo cáo Doing Business 2020, chỉ số khởi sự kinh doanh của Việt Nam dù được ghi nhận tăng điểm, đạt 85,1 điểm/100 (nhờ giảm 01 ngày thực hiện thủ tục), nhưng lại tụt tới 11 bậc (từ vị trí 104 năm 2019 xuống vị trí 115 năm 2020). So với các nước trong khu vực, đây vẫn là chỉ số thua kém nhiều (ví dụ: Thái Lan đạt 92,4 điểm và xếp hạng 47).

Như vậy, thủ tục thành lập doanh nghiệp, khởi sự kinh doanh của nước ta còn phức tạp, tốn kém về thời gian và chi phí, do đó cần tiếp tục quyết liệt cải cách, tiếp tục đơn giản hóa thủ tục gia nhập thị trường và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

VỀ TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI

Đối với Tiếp cận đất đai, các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đánh giá tích cực hơn doanh nghiệp nam một chút, tuy nhiên nhìn chung, đối với tất cả các doanh nghiệp, điểm số Tiếp cận đất đai là thấp.

 **Hình 17: Điểm số Tiếp cận đất đai**

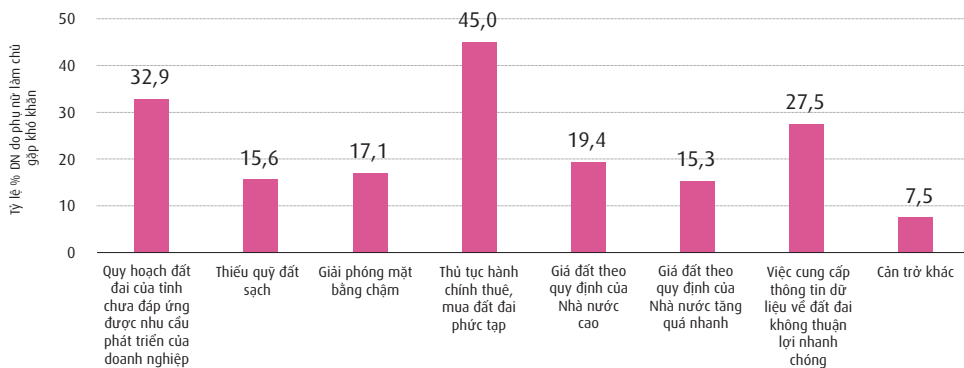


Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

Xét về nguồn gốc vốn mặt bằng kinh doanh, có tới 83,9% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cho biết đó là vốn là tài sản của cá nhân hoặc gia đình. Tỷ lệ được Nhà nước giao, có thu tiền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc được Nhà nước cho thuê trả tiền là rất thấp (dưới 10%).

Về tính ổn định trong sử dụng đất, chỉ 55,1% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cho rằng rủi ro khi bị thu hồi đất là rất thấp và tới 24% cho rằng khả năng được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất là thấp. Trường hợp nếu bị thu hồi đất, chỉ có 29% cho rằng luôn luôn hoặc có nhiều khả năng được bồi thường. 22,1% không cho rằng thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường.

III Hình 18: Những khó khăn lớn nhất về mặt bằng kinh doanh đối với các doanh nghiệp tư nhân trong tỉnh



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

Chỉ 30,8% tổng số các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cho rằng các doanh nghiệp tư nhân không gặp khó khăn trong việc tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh. Hình trên cho thấy phức tạp nhất là TTHC thuê, mua đất đai phức tạp (45% trả lời có khó khăn này), tiếp theo đó là quy hoạch đất đai của tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của doanh nghiệp (32,9%) và Việc cung cấp thông tin dữ liệu về đất đai không thuận lợi nhanh chóng (27,5%).

Chỉ số đăng ký tài sản (trong đó có thủ tục, thời gian, chi phí và chất lượng quản lý hành chính đất đai) cũng là một trong 4 chỉ số giảm bậc của Việt Nam theo Doing Business 2020. Cụ thể, giao dịch qua biên giới giảm 11 bậc, bảo vệ cổ đông thiểu số giảm 10 bậc, đăng ký tài sản giảm 5 bậc, cấp phép xây dựng giảm 01 bậc.

Như vậy, rõ ràng là Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả về cải thiện môi trường kinh doanh, nhưng vẫn còn nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiếp cận đất đai. Các khó khăn chính với doanh nghiệp là TTHC đất đai phiền hà, khó tiếp cận thông tin đất đai và thiếu quỹ đất sạch. Điều này cũng khá tương đồng với đánh giá của các doanh nghiệp về tính minh bạch trong điều hành kinh tế ở địa phương.

Thế chế và quy định pháp luật về bình đẳng giới và hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Theo báo cáo *Rà soát quy định pháp luật liên quan đến doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ* được thực hiện năm 2018 trong khuôn khổ Dự án này, hệ thống pháp luật Việt Nam khá đầy đủ và tuân thủ các cam kết quốc tế về bình đẳng giới.

Trong lĩnh vực kinh tế: nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động. Trong lĩnh vực lao động: nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác; nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh.

Tuy nhiên, các quy định pháp luật về bình đẳng giới vẫn còn chung chung.

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 xác định các lĩnh vực mà DNNVV được hỗ trợ:

1 Các hỗ trợ chung:

- Tiếp cận tín dụng;
- Thuế, kế toán;
- Mặt bằng sản xuất;
- Công nghệ, hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung;
- Mở rộng thị trường;
- Thông tin, tư vấn và pháp lý;
- Phát triển nguồn nhân lực.

2 Các hỗ trợ chuyên ngành:

- Chuyển đổi thành mô hình doanh nghiệp từ hộ kinh doanh;
- Khởi nghiệp sáng tạo;
- Tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

Luật này quy định rõ hơn về nguyên tắc áp dụng (khoản 5 Điều 5) khi hỗ trợ DNNVV do nữ làm chủ: *“Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất. Trường hợp nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ hơn”*.

Tuy nhiên, dù Luật đã có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2018, nhưng nhiều doanh nghiệp cho biết chưa có hướng dẫn cụ thể, các quy định của Luật chưa đi vào thực hiện nên nhiều DNNVV do phụ nữ làm chủ chưa được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ. Các cơ quan ở địa phương cũng lúng túng, nhiều địa phương chưa có hành động cụ thể nào thực hiện Luật để hỗ trợ DNNVV trong đó có doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Từ góc độ xây dựng pháp luật, trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020, Chỉ tiêu 1 và 2 của Mục tiêu “Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới” nêu rõ: *“Phần đầu đến năm 2020 có 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới”*.

Trên thực tế yêu cầu này chưa được đáp ứng đầy đủ. Báo cáo tổng kết, đánh giá thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015¹⁸ chỉ ra: “về cơ bản, trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các cơ quan có chú trọng đến việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, tuy nhiên chỉ dừng lại ở việc đánh giá chung chung; trong quá trình thẩm định, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp và các tổ chức pháp chế cũng yêu cầu về hồ sơ theo đúng quy định của Luật năm 2015. Tuy nhiên, nhiều hồ sơ liên quan đến lồng ghép vấn đề bình đẳng giới còn sơ sài, thiếu căn cứ, do đó trong báo cáo thẩm định tuy có đề cập đến việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới nhưng chưa sâu sắc, toàn diện”. Có rất nhiều báo cáo đánh giá tác động về giới đưa ra kết luận là “không có tác động gì về giới”.

Ủy ban về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ của Liên Hợp Quốc (gọi tắt là Ủy ban CEDAW¹⁹) cũng đã có các khuyến nghị với Việt Nam về việc thiếu hiểu biết về bình đẳng thực chất²⁰ và các cơ quan nhà nước cần tăng cường hiểu biết và sử dụng biện pháp đặc biệt tạm thời²¹ theo khuyến nghị số 25 của Ủy ban, phù hợp với điều 4 (1) của Công ước.

Tạo cơ hội để các chủ thể không chỉ được bình đẳng về mặt pháp lý mà còn tạo điều kiện để họ được tiếp cận, tham gia tích cực ngay trong quá trình xây dựng chính sách pháp luật, soạn thảo, thông qua và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm góp phần bảo đảm các mục tiêu bình đẳng giới. Cùng với phân tích ở Tính minh bạch trong điều hành kinh tế địa phương đã nêu ở phần trên, thì các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cần được tham gia và chủ động hơn trong đóng góp xây dựng chính sách và pháp luật về đầu tư kinh doanh nói riêng cũng như chính sách và pháp luật nói chung, và có một cách thức tốt hơn là thông qua các tổ chức đại diện cho mình.

¹⁸ <http://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quooc-hoi.aspx?ItemID=43020>

¹⁹ Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ của Liên Hợp Quốc. Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới ký tham gia công ước vào 29/7/1980 và phê chuẩn vào 27/11/1981.

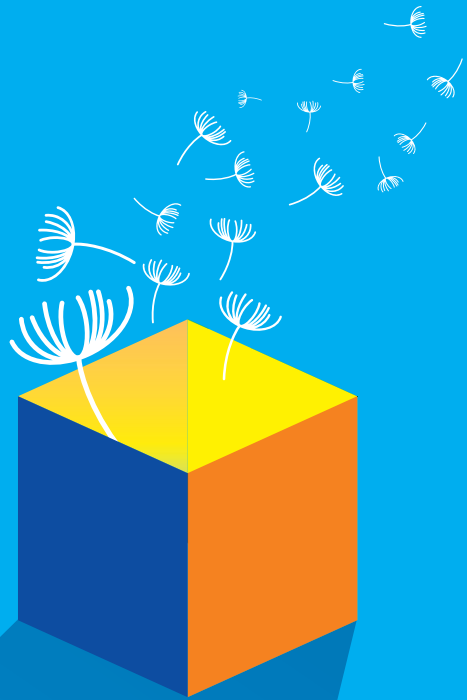
²⁰ Trong báo cáo quốc gia ghép định kỳ lần thứ 7 và 8 của Việt Nam (CEDAW/C/VNM/7-8) tại Phiên họp thứ 1313 và 1314 ngày 10/7/2015:

<https://undocs.org/en/CEDAW/C/VNM/CO/7-8>

²¹ Biện pháp đặc biệt tạm thời có thể bao gồm một loạt các công cụ lập pháp, hành pháp, hành chính và quy định, chính sách và thực tiễn, ví dụ như các chương trình hướng tới hoặc hỗ trợ; phân bổ và/hoặc tái phân bổ nguồn lực, ưu đãi; tuyển dụng có mục tiêu, tuyển và thăng cấp; các mục tiêu có thứ tự gắn với khung thời gian; hệ thống định hạn mức.

04

DỊCH VỤ HỖ TRỢ KINH DOANH ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ



Tiếp nối Báo cáo sơ bộ về Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đối với các doanh nghiệp nữ thực hiện năm 2018 trong khuôn khổ Chương trình Aus4Reform này, Báo cáo này dành một phần để mô tả thực trạng thị trường cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (DVHTKD) tại Việt Nam thông qua đánh giá của các doanh nghiệp trong điều tra PCI vì bên cạnh các yếu tố của môi trường kinh doanh, DVHTKD đóng vai trò rất lớn trong thúc đẩy doanh nghiệp phát triển, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa - lực lượng chiếm tỷ lệ áp đảo trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.



Tầm quan trọng và nhận thức về dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Bên cạnh các yếu tố vĩ mô và vi mô của môi trường kinh doanh tác động đến các doanh nghiệp, thì DVHTKD có vai trò không nhỏ hỗ trợ và thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển.

DVHTKD là các dịch vụ phi tài chính, là tác nhân cơ bản tạo thuận lợi cho sự phát triển của khối doanh nghiệp tư nhân, nâng cao hiệu quả hoạt động, khả năng tiếp cận thị trường và năng lực cạnh tranh trong hoạt động hàng ngày và cả ở cấp độ chiến lược của doanh nghiệp.

DVHTKD bao gồm:

- Đào tạo;
- Tư vấn;
- Hỗ trợ thị trường (tập trung vào bán hàng);
- Thông tin;
- Phát triển và chuyển giao công nghệ;
- Thúc đẩy liên kết kinh doanh.

Các dạng hỗ trợ DNNVV²²:

- Thông tin và quảng bá: bao bì đóng gói, biển chỉ dẫn...;
- Dịch vụ thông tin chuyên ngành (pháp luật, thị trường, nguồn tài chính, hỗ trợ kỹ thuật);
- Dịch vụ tư vấn: lập kế hoạch kinh doanh, thực hiện các chức năng kinh doanh cơ bản (bán hàng, tiếp thị, tài chính kế toán, dịch vụ khách hàng, quản lý nhân lực, nghiên cứu và phát triển, sản xuất, phân phối), cố vấn, tìm kiếm đối tác;
- Đào tạo khởi sự, điều hành và tăng trưởng doanh nghiệp;
- Cơ sở kinh doanh: vườn ươm, công viên công nghệ, các trung tâm doanh nghiệp;
- Mạng lưới: cụm, chuỗi cung ứng, hội chợ...

DVHTKD hướng tới:

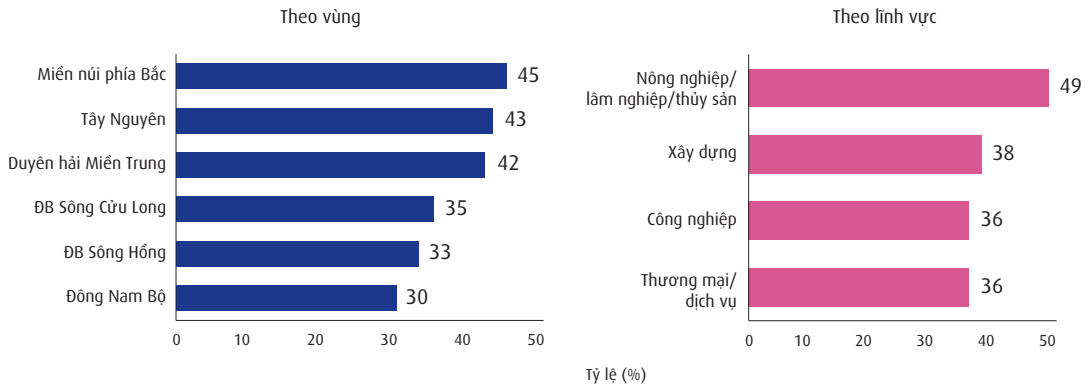
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp cụ thể, việc tiếp cận thị trường và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp đó;
- Tăng lợi nhuận và thúc đẩy doanh nghiệp tăng trưởng (điều này dẫn đến tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập và phúc lợi để nâng cao chất lượng cuộc sống);
- Tăng thêm giá trị cho hàng hóa và dịch vụ.

²² European Commission (2002).

Tại Việt Nam, đối với các DNNVV, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ, DVHTKD là phương thức quan trọng để hỗ trợ phát triển, giúp tạo việc làm, thu nhập và đóng góp cho phát triển và tăng trưởng kinh tế. Việc làm và thu nhập có ý nghĩa đặc biệt quan trọng tương tự như việc quan tâm tới khu vực nông thôn nghèo, các cộng đồng và các nhóm dễ bị tổn thương. Trong bối cảnh này, việc cung cấp các DVHTKD có chất lượng là cách thức quan trọng để đạt tới các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDG).

Tuy có vai trò và tầm quan trọng lớn như vậy, nhưng tỷ lệ nhận biết về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương lại rất khiêm tốn.

Hình 19: Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nhận biết về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

Tỷ lệ này giảm đáng kể so với số liệu trong điều tra PCI năm trước đó (PCI 2017). Dường như có quy mô càng nhỏ thì doanh nghiệp càng ít nhận biết hơn, và tỷ lệ doanh nghiệp trong lĩnh vực có đông doanh nghiệp nhất (lĩnh vực thương mại/dịch vụ - có tới 75% số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hoạt động) lại nhận biết ít hơn cả về DVHTKD.

Đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nói riêng và với các DNNVV nói chung trong đó có cả khởi nghiệp sáng tạo, có một tiềm thức ăn sâu là khi doanh nghiệp còn nhỏ, làm gì có tiền để thuê ngoài, hoặc họ sẽ chọn chưa làm hoặc tự làm hết tất cả. Nhưng nếu như trong một doanh nghiệp mà người chủ doanh nghiệp chỉ là một hoặc một nhóm chấp nhận làm tất cả, thì sẽ không còn thời gian để tập trung cho giá trị cốt lõi của mình nữa.

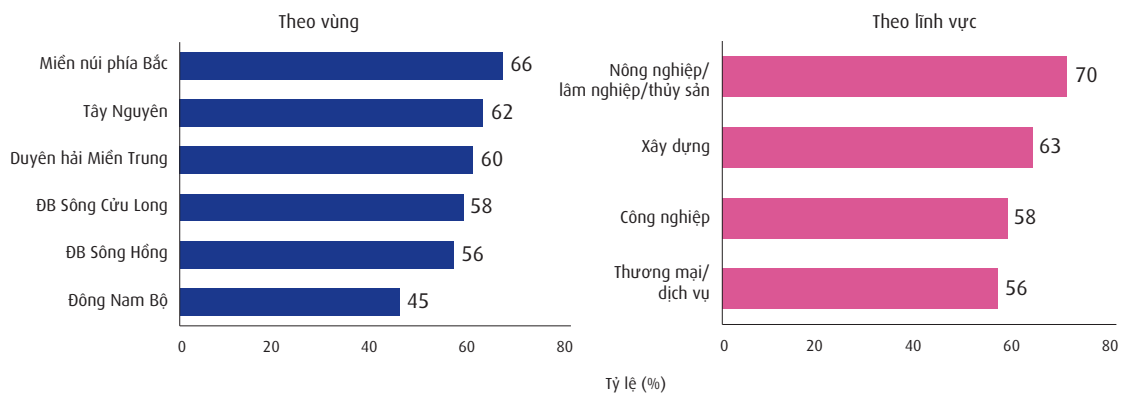
Doanh nghiệp càng nhỏ càng nên tận dụng DVHTKD để tham gia một cách chuyên nghiệp hơn vào chuỗi cung ứng thay vì tự mình làm tất cả. Điều đó càng khẳng định, sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh là một xu hướng không thể cưỡng lại. Do đó, chính các doanh nghiệp cũng phải nhận thức được điều này.

Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang được hưởng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp như thế nào

Luật Hỗ trợ DNNVV (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2018) có quy định nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ như đã đề cập ở trên. Nghị định 39/2018/NĐ-CP²³ tiếp tục khẳng định nguyên tắc này với quy định “*Doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước*”.

Mặc dù có chuyển biến so với tỷ lệ ở PCI 2017, nhưng dường như các cơ quan hỗ trợ vẫn chưa chủ động cung cấp mà họ phải “chờ” DNNVV do nữ làm chủ tìm đến và hỗ trợ khi đủ điều kiện. Điều này thể hiện trên thực tế là, mặc dù đủ điều kiện, có biết về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhưng tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ được hưởng hỗ trợ trên thực tế vẫn khiêm tốn và lĩnh vực có nhiều doanh nghiệp nhất lại có tỷ lệ được hưởng hỗ trợ ít nhất.

Hình 20: Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cho biết đang được hưởng một trong các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương



* *Chú thích:* Tính toán trong số doanh nghiệp có biết tới các chính sách hỗ trợ.

Những con số trên là tính toán trong số những doanh nghiệp đã biết tới các chính sách hỗ trợ. Còn nếu tính trên tổng thể doanh nghiệp tham gia khảo sát, thì con số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang được hưởng một trong các chính sách hỗ trợ chỉ xung quanh mức 20-30% tùy ngành nghề và khu vực địa lý.

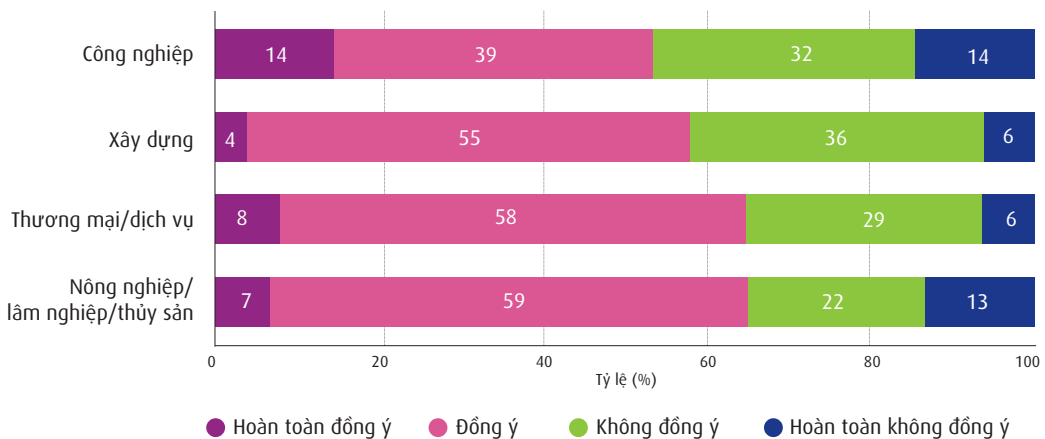
23 Ngày 11/3/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thực tế cho thấy tại mỗi sở, ngành của các tỉnh, đều có bộ phận và cán bộ cung cấp các dịch vụ vấn hỗ trợ doanh nghiệp trong phạm vi chuyên môn của mỗi sở ngành. Các bộ phận này có thể được bố trí chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của chính quyền địa phương và sở, ngành ở nhiều địa phương hiện nay tập trung chủ yếu vào những vấn đề sau:

- Hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các TTHC;
- Tập trung tháo gỡ vướng mắc khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các hội nghị đối thoại chính quyền/sở ngành với doanh nghiệp, hoặc tiếp nhận giải quyết khó khăn vướng mắc thông qua các bộ phận một cửa tại các sở ngành của tỉnh;
- Cung cấp thông tin cho doanh nghiệp thông qua các khóa đào tạo, tập huấn, ví dụ như các chương trình hỗ trợ pháp lý, trang bị kiến thức marketing, thương mại điện tử, kiến thức về thương mại quốc tế, ứng dụng, đổi mới công nghệ, quản trị tài chính... thường được tổ chức dưới hình thức hội nghị, lớp bồi dưỡng về kiến thức pháp luật trong sản xuất kinh doanh...;
- Các chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh: tỉnh đã tổ chức hội chợ trong và ngoài tỉnh và mời các doanh nghiệp của tỉnh tham gia, trong các chương trình này, tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp chi phí thuê gian hàng giới thiệu sản phẩm, đôi khi cả chi phí vận chuyển;
- Tỉnh cung cấp các chương trình đào tạo lao động tại các doanh nghiệp, cung cấp lao động cho doanh nghiệp và chương trình thông tin giới thiệu việc làm cho người lao động...

Tuy nhiên, để nhận được hỗ trợ thì thủ tục, hồ sơ là không đơn giản. Kết quả điều tra PCI 2018 cho thấy có tới 46% doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, 42% doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, 35% doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại dịch vụ và 35% trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản không cho rằng thủ tục, hồ sơ nhận các chính sách hỗ trợ là đơn giản.

III Hình 21: Nhận định của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ đơn giản của thủ tục, hồ sơ để nhận được các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương

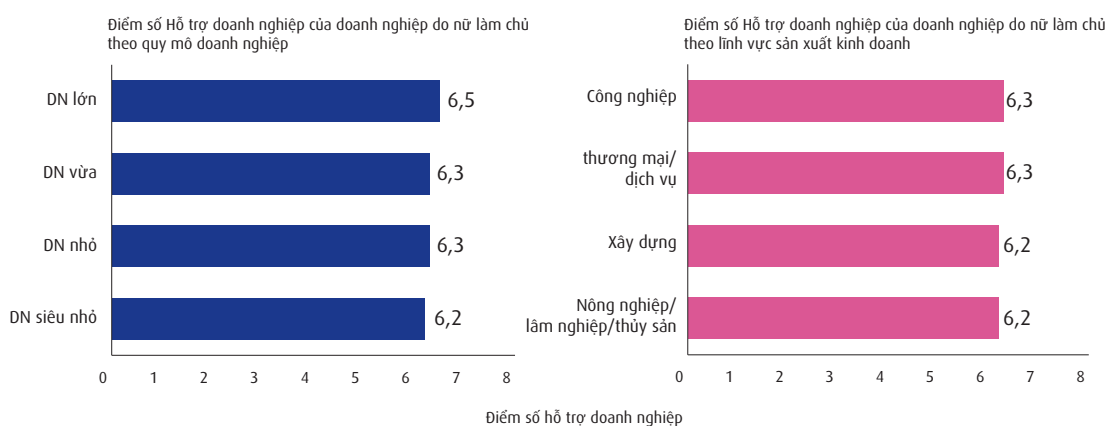


Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

Chất lượng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại địa phương

Nghiên cứu PCI đã chỉ ra rằng sự phát triển của các DVHTKD (từ tìm kiếm thông tin kinh doanh, xúc tiến thương mại, tư vấn pháp luật, dịch vụ về công nghệ, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, dịch vụ về lao động...) trừ 5 thành phố trực thuộc trung ương, thì tại phần lớn các tỉnh, thành phố ở Việt Nam còn rất hạn chế, thậm chí có chất lượng thấp. Điều này một phần lý giải cho việc các doanh nghiệp hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải tạm ngưng hoạt động, giải thể... khi họ không tìm kiếm được những dịch vụ tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp cần thiết cho quá trình tái cơ cấu để duy trì hoạt động.

II) Hình 22: Đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đối với hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

Theo đánh giá từ các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, dù theo quy mô hay theo lĩnh vực hoạt động thì điểm số hỗ trợ doanh nghiệp ở địa phương chỉ ở mức trên trung bình (từ 6,2 đến 6,5 điểm/10).

Kết quả này còn thể hiện có tình trạng những doanh nghiệp lớn tiếp cận thông tin về các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh tốt hơn, dẫn đến các doanh nghiệp lớn tận dụng được các chương trình hỗ trợ, trong khi đối tượng cần đặc biệt quan tâm hỗ trợ là các doanh nghiệp nhỏ thì lại không biết và khó tiếp cận. Điều này minh chứng phần nào cho nhận định lâu nay rằng các cơ quan nhà nước có “ưu ái” hơn tới các doanh nghiệp lớn, kể cả khi tham vấn trong các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp.

Mặc dù hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đã được đẩy mạnh và nhận được rất nhiều quan tâm và nỗ lực của lãnh đạo chính quyền và sở, ngành địa phương, nhưng ở không ít các địa phương vẫn tồn tại nhiều hạn chế.

Nhiều địa phương chưa có chương trình phát triển các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp một cách tổng thể. Các kế hoạch chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thường bị chia nhỏ theo từng năm và giới hạn trong nội bộ từng sở, ngành, chính vì vậy hiệu quả của hoạt động thường kém, không có tác động rõ rệt, thêm vào đó còn gây ra rất nhiều lãng phí về mặt kinh tế và kém hiệu quả trong sử dụng ngân sách nhà nước. Việc triển khai thực hiện sẽ phụ thuộc vào hành động của từng sở, ngành điều này dẫn đến tình trạng có sở sẽ chủ động và tích cực trong thực hiện các đề án hỗ trợ doanh nghiệp và ngược lại sẽ có sở ngành không chủ động tích cực tiến hành hoạt động này. Tình trạng chung về việc thiếu kinh phí và không có nguồn lực trong triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nên nhiều chương trình đề án hỗ trợ doanh nghiệp chỉ xây dựng kế hoạch mà chưa triển khai được. Chất lượng công tác đào tạo, tập huấn chưa cao, chưa chú trọng đến chất lượng, chưa đáp ứng đúng nhu cầu của doanh nghiệp. Hầu hết các tỉnh đều chưa tiến hành khảo sát đánh giá về chất lượng dịch vụ cung ứng, do vậy thiếu vắng cơ sở cho việc cải thiện chất lượng, hiệu quả các hoạt động.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam vẫn có các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ như: đào tạo kiến thức kinh doanh và nghề nghiệp cho phụ nữ, hỗ trợ vốn/ tiếp cận tín dụng, tổ chức các hoạt động tôn vinh, khích lệ sự sáng tạo, ý tưởng kinh doanh của phụ nữ và phát triển mạng lưới Hiệp hội/Hội/Câu lạc bộ doanh nhân nữ. Từ 2017, Hội đã xây dựng Đề án Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025²⁴ (ngân sách 74,13 tỷ đồng: ngân sách trung ương 53,13 tỷ đồng và kinh phí xã hội hóa 21 tỷ đồng), trong đó có các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ tăng cường năng lực cho các đơn vị hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp. Một số Bộ (Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tư pháp) là cơ quan phối hợp và các Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố tổ chức thực hiện Đề án theo hướng dẫn của Hội và các Bộ, ngành có liên quan. Hoạt động hỗ trợ được các cấp Hội liên hiệp phụ nữ triển khai ở rất nhiều địa phương, nhận được sự phối hợp, hỗ trợ giữa các ngành, các đơn vị, tuy nhiên phần lớn các kế hoạch này mới được triển khai từ năm 2018.

Về các hoạt động hỗ trợ cụ thể, đó là các hỗ trợ trong quá trình khởi nghiệp và phát triển kinh tế hộ gia đình. Nhiều địa phương ưu tiên hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo, khó khăn, phụ nữ là người dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật, phụ nữ sống tại địa bàn khó khăn, ven biển, đầm phá, địa bàn chuyển đổi đất nông nghiệp. Có rất nhiều ý tưởng đã bước đầu thành công với nhiều doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/tổ liên kết sản xuất/mô hình phụ nữ phát triển kinh tế hoạt động hiệu quả.

24 Được phê duyệt bởi Quyết định 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ - Gợi tắt là Đề án 939.

Tuy vậy, phong trào phụ nữ khởi nghiệp trên địa bàn nhiều tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn. “Việc giúp phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp trong thời gian qua chưa có nhiều biện pháp giúp đỡ hoặc định hướng mô hình kinh doanh bền vững, chủ yếu tập trung vào hỗ trợ vốn vay chưa gắn kết với tư vấn học nghề và tìm việc làm, việc hỗ trợ quảng bá sản phẩm và tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm của chị em làm ra chưa nhiều đa số phụ nữ làm kinh doanh tự lực là chính (chủ yếu các sản phẩm làm ra nhỏ lẻ cung cấp, bán tại địa phương không có nguồn tiêu thụ lớn)”²⁵.

Như vậy, để phát huy tối đa tác động và hiệu quả của các chương trình này, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp.

Một lý do nữa tác động làm chậm triển khai các chương trình hỗ trợ trên thực tế, đó là việc chậm ban hành các văn bản hướng dẫn Luật Hỗ trợ DNNVV. Luật này có hiệu lực từ 01/01/2018 nhưng các Nghị định hướng dẫn đều được ban hành sau đó²⁶, có hai Nghị định (về Tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và về Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa) tới năm 2019 mới được ban hành.

Về phía các hiệp hội doanh nghiệp (HHDN), trừ các HHDN nữ có nhóm đối tượng phục vụ đặc thù, các HHDN khác có cung cấp các dịch vụ hỗ trợ hội viên nhưng đều không có chương trình hỗ trợ riêng cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, kể cả đối với các HHDN có Chủ tịch là nữ.

²⁵ Toạ đàm vai trò phụ nữ phát triển kinh tế và giải pháp nâng cao công tác tuyên truyền Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp” năm 2019, <https://hilpn.kiengiang.gov.vn/trang/TinTuc/25/683/Toa-dam-vai-tro-phu-nu-phat-trien-kinh-te-va-giai-phap-nang-cao-cong-tac-tuyen-truyen-de-an-Ho-tro-phu-nu-khoi-nghiep-nam-2019.html>, cập nhật ngày 20/8/2019.

²⁶ Nghị định 34/2018/NĐ-CP về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (ban hành và có hiệu lực từ 08/3/2018);

Nghị định 38/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (ban hành và có hiệu lực từ 11/3/2018);

Nghị định 39/2018/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (ban hành và có hiệu lực từ 11/3/2018);

Nghị định 39/2019/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (ban hành ngày 10/5/2019 và có hiệu lực từ 01/7/2019);

Nghị định 55/2019/NĐ-CP về việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (ban hành ngày 24/6/2019 và có hiệu lực từ 16/8/2019).

Các mạng lưới và tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Tại Việt Nam, có khá nhiều mạng lưới, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ được vận hành. Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam thuộc VCCI (VWEC) được thành lập từ năm 2001, có chức năng hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các doanh nhân nữ, doanh nghiệp, tổ chức của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hoặc điều hành, quản lý, tổ chức các hoạt động trong nước và quốc tế cho các doanh nhân nữ, hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới trong doanh nghiệp, tham gia đóng góp xây dựng pháp luật, đào tạo, nâng cao năng lực...

Thực hiện Đề án hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp (Đề án 939), như đã đề cập ở trên, Hội Liên hiệp phụ nữ các tỉnh, thành phố cũng thành lập các mạng lưới câu lạc bộ doanh nhân nữ tại các quận huyện, đa dạng các ngành nghề từ hộ kinh doanh cá thể tới các doanh nghiệp lớn, hỗ trợ phụ nữ hiện thực hóa các ý tưởng khởi nghiệp, nâng cao năng lực quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh và thúc đẩy sự phát triển sáng tạo của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, đồng thời động viên các nữ doanh nhân phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo, tự tin phát triển kinh tế với nhiều quy mô khác nhau tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho rất nhiều lao động.

Học viện Phụ nữ Việt Nam (cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam) cũng có một số chương trình đào tạo cho nữ doanh nhân.

Các hiệp hội/hội/câu lạc bộ doanh nghiệp nữ có hỗ trợ hội viên của mình theo nhiệm vụ ghi trong Điều lệ, trong đó có phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên và hỗ trợ hội viên phát triển sản xuất, kinh doanh thông qua cung cấp thông tin, tư vấn, đào tạo, kết nối doanh nhân, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, đầu tư.

Sáng kiến Mạng lưới Phụ Nữ Khởi nghiệp và Kinh doanh (WISE)²⁷ ra mắt tháng 3 năm 2017, được điều hành bởi các nữ doanh nhân tại Việt Nam, nhằm giúp phụ nữ khởi nghiệp tại Việt Nam và trong khu vực. WISE giúp kết nối các phụ nữ khởi nghiệp và các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ với nhau và với các cơ hội hỗ trợ, đào tạo phát triển và cơ hội đầu tư.

Quỹ Sáng kiến tài chính dành cho nữ doanh nhân (We-Fi)²⁸ để hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam và Thái Bình Dương. Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã nhận được 20,19 triệu USD (viện trợ không hoàn lại) từ We-Fi để hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ được tiếp

²⁷ Thành lập bởi Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh (SIHUB) và Sáng kiến Hỗ trợ Khu vực Tư nhân vùng Mekong (MBI), một chương trình được tài trợ bởi Chính phủ Úc và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB). WISE cũng nhận được những sự hỗ trợ và phối hợp từ những đơn vị khác như Chương trình Đối tác Đổi mới Sáng tạo Việt Nam – Phần Lan (IPP); chương trình Hỗ trợ Mạng lưới Doanh nghiệp Thụy Sĩ (SWISS EP); Quỹ Khởi nghiệp Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ Việt Nam (SVF) và nhiều đối tác khác.

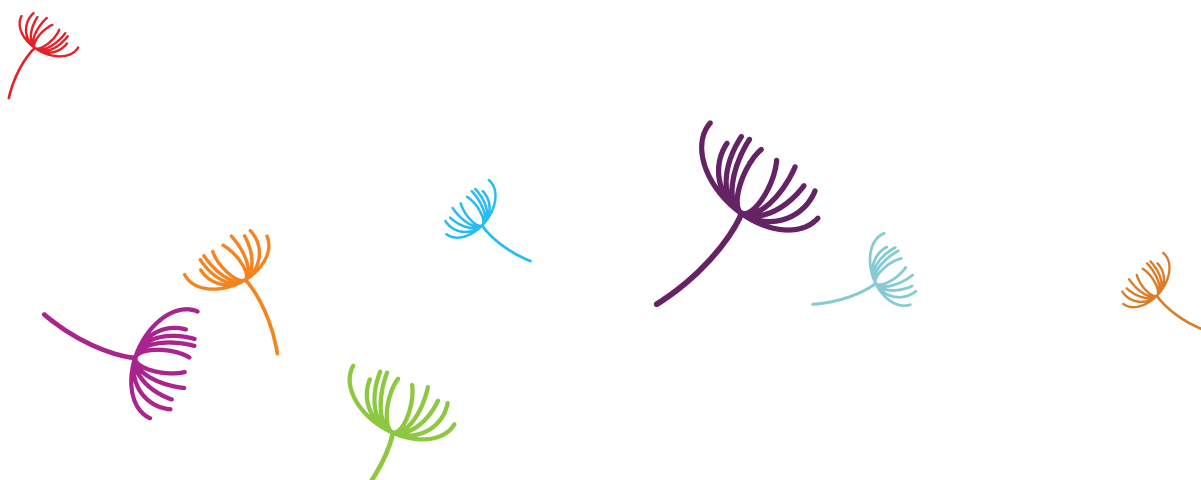
²⁸ We-Fi thuộc quyền quản trị của 14 quốc gia góp vốn sáng lập và do Ngân hàng Thế giới quản lý. Mục tiêu của Quỹ là huy động được hơn 1 tỷ USD tài trợ thương mại và tài trợ từ các thể chế tài chính quốc tế để cho phép các nữ doanh nhân được tiếp cận vốn vay, cổ phần, quỹ đầu tư mạo hiểm, các sản phẩm bảo hiểm, cùng những cơ hội khác để liên kết với các thị trường nội địa và toàn cầu. Mục tiêu là cải thiện môi trường kinh doanh cho các DNNVV do phụ nữ làm chủ hoặc lãnh đạo.

cận nguồn tài chính và hoạt động đào tạo thiết yếu tại Việt Nam và Thái Bình Dương, và nó sẽ giúp tài trợ cho chương trình Tăng tốc phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp của phụ nữ ở Đông Nam Á và Thái Bình Dương (WAVES), với mục tiêu là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển đồng đều và bền vững thông qua các doanh nghiệp của phụ nữ và tinh thần kinh doanh khởi nghiệp của phụ nữ. Xấp xỉ 5.000 DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam và khu vực Thái Bình Dương sẽ được hưởng lợi từ chương trình 5 năm này.

Mạng lưới doanh nhân nữ ASEAN²⁹ (AWEN) là một mạng lưới của doanh nhân nữ trong khu vực, hoạt động nhằm trao đổi kiến thức, kinh nghiệm; thiết kế và đề xuất các sáng kiến thúc đẩy bình đẳng giới, trao quyền và tăng cường các kỹ năng kinh doanh cho phụ nữ trong cộng đồng ASEAN; tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp trong khu vực.

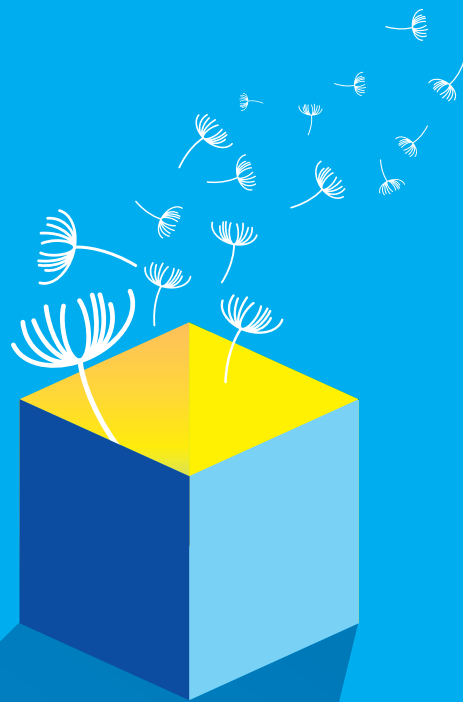
Trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu ngày càng sâu rộng, khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cần liên kết, tham gia các mạng lưới và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chủ động nắm bắt thông tin để nâng cao kiến thức, sử dụng hỗ trợ hiệu quả để phát triển doanh nghiệp của mình.

²⁹ <http://www.awenasean.org/>



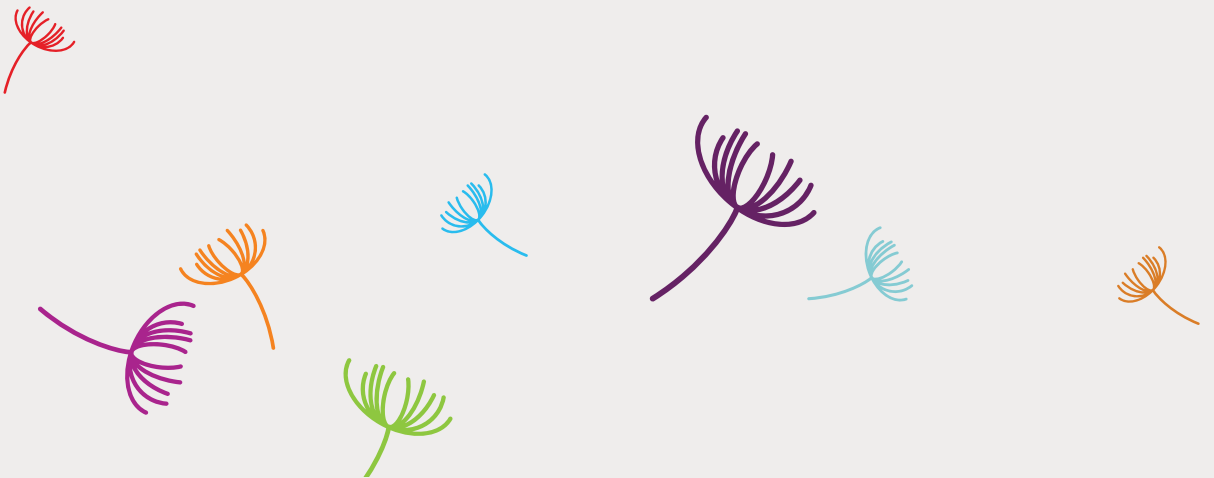
05

THỰC TIỄN TỐT VỀ HỖ TRỢ CÁC DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ



Mặc dù để thành lập một doanh nghiệp, nam và nữ đều phải thực hiện những bước giống nhau và có thể gặp những trở ngại như nhau, nhưng đối với phụ nữ, họ gặp nhiều khó khăn hơn. Những chính sách và chương trình phát triển DNVVN chung chung thường thu hút được ít phụ nữ tham gia. Do vậy, để khuyến khích phụ nữ tham gia làm kinh tế cần có một số chính sách, chương trình hỗ trợ riêng cho họ, đáp ứng được những yêu cầu cụ thể và thông tin được truyền tải theo cách thức phù hợp với nhóm đối tượng cụ thể này.

Hơn nữa, ban hành một chính sách mới hay triển khai một chương trình mới là cần thiết, nhưng chưa phải là điều kiện đủ để các doanh nhân nữ được hỗ trợ kịp thời và thường xuyên. Cần có sự tham gia của nhiều thành phần trong xã hội để đảm bảo sự thành công của các chương trình hỗ trợ riêng này cũng như việc xây dựng và phát triển các tổ chức hội hay mạng lưới doanh nhân nữ. Sự tham gia này cũng sẽ góp phần giảm bớt gánh nặng về ngân sách cũng như gánh nặng về quản lý của các cơ quan nhà nước.



Xây dựng khung chiến lược về phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

(kinh nghiệm của nước Anh)

Theo số liệu của Chỉ số kinh doanh toàn cầu (Global Entrepreneurship Monitor), tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở Anh là kém lợi thế so với tỷ lệ doanh nghiệp do nam giới làm chủ, đặc biệt nếu so với Mỹ, Canada và Pháp. Đây là bằng chứng đưa ra của một trong những nghiên cứu khiến Chính phủ Anh phải thừa nhận rằng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cần được hỗ trợ nhiều hơn. Khung chiến lược về phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ được Bộ Thương mại và Công nghiệp Anh (DTI)³⁰ ban hành vào tháng 5 năm 2003³¹. Tổ chức Prowess³² đóng vai trò chủ chốt trong việc thiết kế khung chiến lược này.

Các chính sách trong Khung Chiến lược được phân thành 3 nhóm đơn giản nhưng rất quan trọng và có mối liên hệ rất chặt chẽ với các hoạt động của AWE (Accelerating Women's Enterprise - Thúc đẩy Doanh nghiệp của Phụ nữ), đó là: trách nhiệm chăm sóc con cái và gia đình, các quy định hỗ trợ kinh doanh và tài chính.

Khung chiến lược đã khẳng định “khuyến khích phụ nữ tham gia nhiều hơn vào thành lập và phát triển doanh nghiệp có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế của quốc gia”. Một trong những mục tiêu chính của khung chiến lược là cung cấp những hỗ trợ cần thiết cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, đặc biệt những phụ nữ đang muốn mở rộng doanh nghiệp mình cũng như những phụ nữ đang muốn thành lập doanh nghiệp. Khung chiến lược cũng thừa nhận rằng từ trước đến nay chưa có một chiến lược dài hạn về phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và nhấn mạnh sự cần thiết có những cách tiếp cận khác nhau trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tăng số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở Anh.

Mục tiêu trong ngắn hạn và trung hạn của khung chiến lược là phát triển thị trường dịch vụ hỗ trợ kinh doanh và nâng cao chất lượng các dịch vụ kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm. Song song với nỗ lực trên, sẽ tập trung phát triển những dịch vụ kinh doanh đáp ứng được những nhu cầu riêng biệt của khách hàng nữ hay chỉ phục vụ đối tượng khách hàng nữ. Trong dài hạn, khung chiến lược sẽ chú trọng vào những thay đổi cơ bản trong nhận thức của toàn xã hội về phụ nữ làm chủ doanh nghiệp và điều chỉnh các dịch vụ công để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng nữ. Để đạt được những mục tiêu kể trên, khung chiến lược cũng đặt ra những chỉ tiêu cụ thể, trong đó chỉ tiêu quan trọng là đến năm 2006 số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ sẽ chiếm từ 18-20% tổng

³⁰ Bộ Thương mại và Công nghiệp Anh có bộ phận Dịch vụ doanh nghiệp nhỏ (The Small Business Services). Bộ phận này là cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm chính trong hỗ trợ DNNVV ở Anh

³¹ UK Department of Trade and Industry Strategic Framework for Women's Enterprise

³² <https://www.prowess.org.uk/>

số doanh nghiệp của Anh (tỷ lệ này vào năm 2003 là 12-14%). Khung chiến lược đưa ra chương trình hành động cụ thể (cách thức thực hiện và đánh giá) để đạt được chỉ tiêu đặt ra. Khung chiến lược cũng giao trách nhiệm hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cho các cơ quan cụ thể ở cấp vùng và cấp địa phương. Tính đến cuối năm 2005 doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đã chiếm 18-19% trên tổng số doanh nghiệp đăng ký ở Anh.

Một nghiên cứu do AWE tiến hành đã chứng tỏ tính hữu ích khi bảo đảm Khung chiến lược bao hàm được rất nhiều hoạt động quan trọng đã được kiểm nghiệm và phát triển các hoạt động này thành các khung chính sách bao trùm hơn hướng tới các đối tượng cụ thể, các đầu ra và các biện pháp để có thể thực hiện rộng rãi hơn. Ví dụ, Bộ Thương mại và Công nghiệp Anh đã thông qua dữ liệu phân tách về giới để đặt ra các mục tiêu và chính sách giám sát và đánh giá.

Doanh nghiệp xã hội hoạt động vì doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

(thực tiễn tốt ở Hoa Kỳ)

Womenable là một doanh nghiệp, có hoạt động vì lợi nhuận, được thành lập năm 2005, hoạt động để cải thiện các hệ thống - luật, chính sách, các chương trình và kiến thức dựa trên nghiên cứu - hỗ trợ cho việc tạo và tăng trưởng doanh nghiệp nữ.

Nói một cách đơn giản, sứ mệnh của Womenable là khuyến khích tinh thần khởi nghiệp của phụ nữ trên khắp thế giới. Để làm việc đó, tổ chức này làm việc với những người quản lý các doanh nghiệp nữ - các nhà hoạch định chính sách, các tổ chức đa phương, những người lãnh đạo của doanh nghiệp, các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ - để nỗ lực tạo ra môi trường tốt hơn cho sự thành lập và phát triển của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Chuyên môn của Womenable bao gồm:

- Tiến hành các nghiên cứu sâu và có thể triển khai trên thực tế;
- Truyền đạt thông tin và kiến thức một cách rõ ràng, ngắn gọn và kích thích tư duy, và
- Triển khai, giám sát và đánh giá các chính sách và chương trình được thiết kế để hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển.

Các mối liên kết của Womenable bao gồm:

- Các định chế tài chính/ngân hàng phát triển;
- Các tổ chức của nhà nước;
- Các tổ chức đa phương;
- Các tổ chức phi chính phủ;
- Các trung tâm nghiên cứu/giáo dục;
- Các nhật ký trực tuyến (blog)/cộng đồng trên mạng của phụ nữ;
- Mạng lưới doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ;
- Tin tức truyền thông của phụ nữ;
- Phụ nữ trong các doanh nghiệp/Các sáng kiến của phụ nữ trong doanh nghiệp;
- Các quỹ đầu tư phụ nữ.

Xây dựng mạng lưới

Hiện nay có rất nhiều tổ chức chú trọng vào hoạt động xây dựng mạng lưới cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở cấp độ quốc tế, khu vực và quốc gia, điển hình tại Hoa Kỳ, Canada, Châu Âu và Australia. Một số ví dụ minh họa dưới đây có những điểm phù hợp với bối cảnh của Việt Nam.

Liên đoàn Quốc tế Phụ nữ Đi làm và Kinh doanh (IFBPW) tham gia tư vấn, xây dựng mạng lưới và đào tạo cho mạng lưới quốc tế những phụ nữ tham gia kinh doanh và đi làm tại các chi nhánh ở 95 quốc gia trên 5 lục địa. IFBPW tổ chức các chương trình phát triển cho thành viên thông qua một Học viện BPW trực tuyến về các nội dung tư vấn, đào tạo lãnh đạo và đào tạo kinh doanh điện tử cùng các dự án hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển hoạt động kinh doanh và tạo dựng một mạng lưới đặc biệt dành cho những phụ nữ trẻ.³³ Liên đoàn tổ chức một hội nghị thường niên thu hút sự tham gia của hàng nghìn doanh nhân nữ trên thế giới. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương có số lượng thành viên đông đảo với khoảng 4.000 thành viên thuộc 30 quốc gia và một điều phối viên cấp tiểu vùng phụ trách khu vực Đông Nam Á. Liên đoàn cũng tổ chức hội nghị thường niên cho khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

Mạng lưới Tài trợ vốn cho Phụ nữ (WFN) là một mạng lưới quốc tế có hơn 120 quỹ phụ nữ tham gia làm thành viên và là mạng lưới từ thiện lớn nhất trên thế giới dành cho phụ nữ và trẻ em gái. WFN có mặt tại 21 quốc gia tại 6 châu lục và đầu tư trên 350 triệu USD mỗi năm vào công tác đẩy mạnh các quyền của phụ nữ và trẻ em gái. Mạng lưới có sự tham gia của 85% quỹ công và 15% quỹ tư nhân. Một phần ba nguồn ngân sách được cam kết sử dụng vào các hoạt động bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ³⁴.

Hội nghị Thượng đỉnh Phụ nữ Toàn cầu quy tụ các đơn vị công, tư và phi lợi nhuận tham gia đối thoại về cơ hội kinh tế của phụ nữ trên toàn thế giới thông qua trao đổi các giải pháp hiệu quả và các chiến lược sáng tạo do lãnh đạo nữ ở các khu vực khác nhau trên thế giới xây dựng³⁵. Hội nghị thượng đỉnh thường niên này được tổ chức liên tục từ năm 1990 và Việt Nam tổ chức sự kiện này vào năm 2013 tại Hà Nội.

WEConnect International³⁶ là một mạng lưới toàn cầu kết nối các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ với những khách mua hàng đáp ứng điều kiện ở khắp nơi trên thế giới. Sứ mệnh của tổ chức này là giúp doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thành công trong chuỗi giá trị toàn cầu. WEConnect International xác định, đào tạo, đăng ký và chứng nhận doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có trụ sở đặt ở ngoài Hoa Kỳ, khi có tối thiểu 51% sở hữu cũng như quản lý và kiểm soát bởi một hoặc nhiều phụ nữ, và sau đó kết nối họ với các khách hàng là công ty đa quốc gia.

33 Liên đoàn Quốc tế Phụ nữ Đi làm và Kinh doanh, <https://www.bpw-international.org/>

34 Mạng lưới Trợ vốn cho Phụ nữ <http://www.womensfundingnetwork.org/membership/>

35 Công thông tin của Hội nghị Thượng đỉnh Phụ nữ Toàn cầu <http://globewomen.org/globalsummit/>

36 WEConnect International <https://www.weconnectinternational.org/en/>

Những mạng lưới quốc tế khác dành cho các doanh nghiệp do phụ nữ, ví dụ như Ngân hàng Hỗ trợ Phụ nữ, Liên minh Phụ nữ Quốc tế (TIAW)³⁷ đều xuất bản tạp chí và bản tin cập nhật cung cấp các nội dung về cơ hội đào tạo, tài trợ và xây dựng mạng lưới và hầu hết phụ nữ ở tất cả các quốc gia đều có thể tiếp cận mặc dù một số hoạt động ưu tiên cho phụ nữ thuộc các quốc gia có thu nhập trung bình và thấp. Các tổ chức này cũng cung cấp nhiều tài nguyên trực tuyến và hoạt động tư vấn điện tử.

³⁷ Liên minh Phụ nữ Quốc tế <https://www.tiaw.org>

Thực tiễn tốt từ một số quốc gia ASEAN

Năm 2018, Ủy ban Kinh tế Xã hội châu Á Thái Bình Dương Liên Hợp Quốc (UNESCAP) công bố báo cáo “Phụ nữ khởi nghiệp: Bài học và Thực tiễn Tốt” (Women’s Entrepreneurship: Lessons and Good Practice”) từ các nghiên cứu tại Philippines³⁸.

Báo cáo này đưa ra bức tranh về doanh nhân nữ tại bốn quốc gia trên, các chính sách, chương trình có tổ chức được thiết kế cho phụ nữ khởi nghiệp, các bài học và thực tiễn tốt với những kinh nghiệm cụ thể. Có thể tóm tắt 15 bài học và thực tiễn tốt như sau:

1) Giải quyết các vấn đề mang tính hệ thống sẽ đặt nền tảng cho mọi nỗ lực hoạt động

Giải quyết được các vấn đề mang tính hệ thống đang hạn chế khả năng của phụ nữ thành lập và phát triển doanh nghiệp sẽ đặt nền tảng cho mọi nỗ lực thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp, dù là từ phía cơ quan nhà nước, khối doanh nghiệp hay xã hội. Chính sách và khung pháp lý mạnh mẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp kích hoạt các phương pháp như vậy.

Vấn đề cốt lõi ở đây là giải quyết các vấn đề về động lực giới và chuẩn mực xã hội hiện đang duy trì sự phân bố không đồng đều giữa công việc chăm sóc và trách nhiệm gia đình; coi nam giới là trụ cột gia đình (thường là duy nhất) và làm giảm khả năng tự chủ của phụ nữ trong các hoạt động để có vốn và các cơ hội quan trọng khác để trở thành một doanh nhân thành công theo cách riêng của họ.

2) Hệ thống chính sách quốc gia làm nền tảng cơ bản để thúc đẩy tinh thần kinh doanh của phụ nữ

Tầm quan trọng của các chính sách, khuôn khổ pháp luật và quy định tạo thuận lợi được nhấn mạnh trong tất cả các nghiên cứu, là yếu tố mấu chốt trong thúc đẩy tinh thần kinh doanh của phụ nữ (trực tiếp và gián tiếp).

3) Gắn kết chính sách và định chế là vấn đề sống còn để tối đa hóa hiệu quả tác động

Bảo đảm sự phối hợp và kết hợp giữa các chính sách, định chế và các chương trình được xác định là yếu tố then chốt để tạo ra môi trường kinh doanh thực sự thuận lợi cho phụ nữ khởi nghiệp.

4) Thương tôn pháp luật là yếu tố then chốt tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp

Môi trường kinh doanh và môi trường kinh tế-xã hội rộng hơn có tính ổn định và dự đoán được là rất quan trọng đối với các doanh nhân khi lập kế hoạch tương lai với mức độ tự tin và phát triển.

Một nghiên cứu của Campuchia đã nhấn mạnh sự quan trọng sống còn của thương tôn pháp luật trong bối cảnh này. “Chừng nào chủ doanh nghiệp không tin tưởng vào các quan chức được cho là đang hỗ trợ họ giải quyết các vấn đề kinh doanh như thu thuế, giải quyết tranh chấp và các vấn đề pháp lý khác, thì sự chuyển đổi của doanh nghiệp từ phi chính thức sang chính thức vẫn rất khó khăn”.

Báo cáo cũng lưu ý thêm là các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có quy mô nhỏ và siêu nhỏ có thể đặc biệt dễ bị tổn thương bởi sự can thiệp từ các quan chức/cơ quan nhà nước.

³⁸ Báo cáo đăng tải tại website của UNESCAP <https://www.unescap.org/sites/default/files/ASEAN%20women%E2%80%99s%20entrepreneurship%20case%20studies.pdf>

5) Những nhà tiên phong về bình đẳng giới trong cơ quan nhà nước là yếu tố mấu chốt dẫn đến sự tiến bộ

Các Bộ, các cơ quan có hoạt động về phụ nữ đóng vai trò chủ chốt thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp, thông qua tham vấn chính sách và phối hợp với các cơ quan khác trong hệ thống cơ quan nhà nước, bao gồm Bộ Tài chính cũng như Bộ và các cơ quan lập kế hoạch.

6) Phản biện xã hội là rất quan trọng để bảo đảm giải quyết được các ưu tiên về khởi nghiệp của phụ nữ

Vai trò thiết yếu của các doanh nhân nữ, doanh nghiệp và mạng lưới các tổ chức xã hội trong việc đại diện nói lên mối quan tâm của phụ nữ trong kinh doanh và giúp xây dựng và thực thi các chính sách của Nhà nước đặc biệt được nhấn mạnh trong bốn nghiên cứu này. Sự phản hồi chỉ ra số lượng và sự đa dạng của các tổ chức và sáng kiến như vậy.

7) Muốn hỗ trợ doanh nghiệp một cách hiệu quả phải cân bằng giữa các chính sách theo diện rộng và chính sách tập trung đối tượng

Trường hợp của bốn quốc gia được nghiên cứu trong Báo cáo này đã cho thấy một hệ thống rộng và phức tạp của các chương trình được thiết kế bởi chính phủ, tổ chức tư nhân và khối doanh nghiệp để hỗ trợ khởi nghiệp nói chung (riêng ở Malaysia đã có hơn 200) với một loạt các đơn vị chuyên nhằm vào các doanh nhân nữ.

Các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp “chung” không được thiết kế theo đặc thù về giới đã được coi là một phần quan trọng của môi trường thúc đẩy khởi nghiệp trên diện rộng, nhưng việc tập trung hướng tới đối tượng sẽ nâng cao cơ hội thành công cho doanh nhân nữ. Tầm quan trọng và giá trị của các chương trình tập trung đối tượng, đặc biệt nhằm hỗ trợ doanh nhân nữ là chủ đề chính trong các bài học thực tiễn ở các quốc gia.

8) Các chương trình quốc gia là quan trọng, nhưng sự chú trọng ở cấp địa phương mới tạo nên sự khác biệt

Các hành động và việc tiếp cận cộng đồng ở cấp địa phương là rất quan trọng để nuôi dưỡng tinh thần khởi nghiệp của phụ nữ. Một chủ đề thường gặp trong các nghiên cứu vụ việc cho thấy “các chính sách quốc gia là quan trọng nhưng nếu không được thực thi thì cũng không có ý nghĩa gì”. Do đó, việc tham gia của các cơ quan chính quyền địa phương hoặc chi nhánh của các cơ quan cấp quốc gia ở địa phương là rất ý nghĩa trong việc khuyến khích và hỗ trợ doanh nhân nữ - và bảo đảm rằng các chính sách của quốc gia là các cam kết được thực thi trên thực tế.

9) Tài chính vi mô – lối đi tới tăng trưởng là cốt yếu để mở rộng cơ hội cho các doanh nhân nữ

Ở tất cả các nghiên cứu của bốn quốc gia, tầm quan trọng của tài chính vi mô trong hỗ trợ các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ được thành lập và tồn tại đều được thể hiện. Trong sự kết hợp giữa nguồn hoặc khoản vốn phi chính thức như ngân hàng cộng đồng, các nhóm tương trợ lẫn nhau và các hội tiết kiệm, thì tài chính vi mô rõ ràng đã có vai trò thiết yếu khi giải quyết khoảng trống đã tồn tại hàng thập kỷ nay, bằng cách hướng tới phụ nữ ở cấp cộng đồng - những người đã bị loại ra khỏi tài trợ vốn chính thức, bao gồm cả các khu vực nông thôn.

Tuy nhiên, những nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng chỉ có tài chính vi mô thôi là chưa đủ. Những phát hiện của các nghiên cứu này cũng khẳng định mối lo ngại từ nhiều nghiên cứu quốc tế khác, rằng tài chính vi mô, khi tách rời với các sáng kiến rộng hơn để hỗ trợ doanh nhân nữ, có thể ngăn cản phụ nữ khỏi các hoạt động ở tầm vi mô, với nhiều rủi ro làm phụ nữ bị tổn thương hơn và đẩy gia đình họ dẫn sâu thêm vào nợ nần. Thêm vào đó, rất nhiều người cho vay tín dụng vi mô nằm ngoài khung khổ các quy định chính thức, lại càng tạo thêm rủi ro tiềm tàng cho người vay. Thực tế là nhu cầu còn nhiều hơn thế, bao gồm các phương thức sáng tạo mới để hỗ trợ phụ nữ có cơ hội trở thành chủ của doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn đóng góp nhiều hơn trong chuỗi giá trị, sử dụng nhiều lao động hơn và đóng góp lớn hơn cho phát triển kinh tế bền vững và bao trùm.

Theo đó, tất cả các ví dụ thực tiễn tốt về các chương trình tín dụng vi mô cho nữ doanh nhân đều nhấn mạnh tầm quan trọng của lối thoát ra khỏi tài chính vi mô và doanh nghiệp siêu nhỏ. Những lối thoát đó bao gồm tiếp cận tới các cơ hội giáo dục cao hơn, đào tạo kỹ năng kinh doanh, các chương trình mạng lưới xã hội an toàn để đỡ đỡ áp lực tài chính gia đình, tiếp cận tới các cơ hội tham gia mạng lưới và học hỏi rộng lớn hơn, và các gói hỗ trợ tài chính đặc biệt nhằm đến các nhu cầu cụ thể của các nữ doanh nhân mong muốn thoát khỏi tình trạng nhỏ kém.

10) Khuyến khích doanh nhân nữ tham gia chuỗi giá trị là yếu tố then chốt để tăng trưởng

Trường hợp của Campuchia cho thấy sự khác nhau có thể xảy ra khi chuỗi giá trị và phân tích quan hệ quyền lực trong xác định biện pháp phù hợp để hỗ trợ doanh nhân. Cần có sự can thiệp hỗ trợ các doanh nhân nữ tập trung vào toàn bộ chuỗi giá trị của doanh nghiệp để đảm bảo các kết nối thị trường và chia sẻ lợi nhuận từ điểm bắt đầu cho tới điểm bán hàng cuối cùng. Ưu tiên cụ thể phải được đưa ra theo nhu cầu để giúp các nhà sản xuất nông nghiệp (đặc biệt là nông dân quy mô nhỏ - là nơi khởi đầu của hầu hết các chuỗi giá trị trong nước) nắm bắt được cơ hội kinh doanh. Các bước hành động như vậy sẽ giúp tăng trưởng kinh tế và việc làm cho khu vực nông nghiệp, có được các giao kết làm ăn hợp lý và công bằng, tạo ra sản phẩm chất lượng cao hơn, cuối cùng thúc đẩy toàn bộ các hoạt động trong chuỗi giá trị.

“Doanh nhân nữ là yếu tố sống còn vì cô ấy là người dẫn dắt sự tăng trưởng của doanh nghiệp. Tiếp tục đào tạo và giáo dục để nâng cao kiến thức và kỹ năng của họ, để chủ động tìm kiếm thông tin sẽ góp phần vào thành công của doanh nghiệp. Dù được coi là nhân tố thành công hay không, nhưng chính doanh nhân nữ là người xác định nhân tố thành công đó, xúc tiến các hoạt động và tạo ra thay đổi. Điều đó có nghĩa là một nữ doanh nhân phải được tạo động lực lớn để vượt qua những trở ngại xã hội và của từng ngành, để xác định các mục tiêu dài hạn và thành công để tiếp tục thành công”.

11) Xây dựng mối quan hệ đối tác và các mạng lưới sẽ nâng lên năng lực đàm phán của các doanh nhân nữ

Nghiên cứu của Campuchia nhấn mạnh giá trị của các bước đi có chủ ý để xây dựng quan hệ đối tác bền vững có thể giúp phụ nữ tăng cường mạng lưới xã hội và kinh doanh của mình, hưởng lợi từ việc chia sẻ kỹ năng và kinh nghiệm và nâng cao quyền lực đàm phán với các nhà cung cấp cũng như người mua. Tạo ra thực tiễn kinh doanh có liên kết với nhau thông qua quan hệ đối tác được coi là cách khả thi để duy trì doanh nhân nữ trong kinh doanh và xây dựng năng lực cho họ để thích nghi với những thay đổi.

Giá trị của quan hệ đối tác tại cấp khu vực ASEAN cũng được nhấn mạnh với ví dụ của Mạng lưới doanh nhân nữ ASEAN (AWEN), đã được đề cập tại phần “Các mạng lưới và tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ” ở trên.

12) Doanh nghiệp có thể được chính thức hóa dễ dàng hơn nếu cải cách về thuế và hành chính

Rất nhiều nữ doanh nhân trong các nghiên cứu tại bốn quốc gia trong Báo cáo này hoạt động dưới dạng phi chính thức, không thực hiện thủ tục đăng ký chính thức cho doanh nghiệp của mình. Do tính chất không chính thức này, các doanh nhân nữ không được hưởng lợi từ sự hỗ trợ hoặc can thiệp chính thức của nhà nước hoặc các nhà tài trợ phát triển quốc tế.

Chính sách thuế đặc biệt liên quan đến các doanh nhân nữ trong khu vực ASEAN. Tại Campuchia, người ta thấy rằng các doanh nhân đang phải đấu tranh hoặc đôi khi lưỡng lự khi mở rộng và chính thức hóa công việc kinh doanh lại không thấy những lợi ích hiển nhiên của việc chuyển đổi sang khu vực chính thức. Thêm vào đó, một số doanh nhân, bao gồm cả nam giới, lại thấy gặp rắc rối khi đăng ký chính thức. Họ lo ngại rằng khi đăng ký doanh nghiệp, họ sẽ phải trả thêm thuế và việc đăng ký đó lại tạo cơ hội cho các quan chức nhà nước làm phiền công việc kinh doanh.

13) Giảm bớt khoảng trống dữ liệu về phụ nữ khởi nghiệp để khuyến khích hoạch định chính sách dựa trên cơ sở thực tế

Điều quan trọng đối với giám sát, đánh giá và học tập một cách hiệu quả là các dữ liệu được cập nhật và tin cậy. Nghiên cứu của Philippines chỉ rõ tầm quan trọng của những thông tin như vậy khi thông báo các chính sách và chương trình ở tất cả các cấp, đặc biệt trong bối cảnh hiện đang thiếu dữ liệu có phân tách giới để chắc chắn rằng phát triển kinh tế tác động đến phụ nữ và nam giới theo các cách khác nhau. Nghiên cứu này quan sát thấy đến lượt điều này gây trở ngại quá trình rà soát hoàn thiện pháp luật, chính sách, các chương trình và dịch vụ để trở nên đáp ứng về giới hơn. Lượng dữ liệu khả dụng nhiều lên thông qua các cơ quan thống kê quốc gia, tổ chức tư nhân, các sáng kiến hàn lâm và sáng kiến khác sẽ giúp thúc đẩy nỗ lực tăng cường nhận thức về giới và phát triển, về tăng quyền năng kinh tế cho phụ nữ và đóng góp quan trọng của phụ nữ vào phát triển kinh tế địa phương.

14) Cần giám sát và đánh giá tốt hơn những chương trình hiện có

Như được lưu ý trong nghiên cứu của Indonesia, hiện đang có nhiều nỗ lực từ phía Nhà nước và tư nhân để hỗ trợ khởi nghiệp, nhưng toàn bộ các chương trình đều không được đếm hay liệt kê, cũng như hầu hết trong đó không được đánh giá một cách có ý nghĩa. Các nỗ lực thu hút các bên liên quan nhằm giám sát và đánh giá tốt hơn các sáng kiến hiện có ở cấp quốc gia và cấp địa phương có thể dẫn đến quyết định cấp vốn cho những chương trình đang hoạt động hiệu quả và giải phóng nguồn lực ở những nơi kém hiệu quả.

Lưu ý rằng các chương trình tư nhân hỗ trợ khởi nghiệp và phụ nữ khởi nghiệp có vẻ thành công hơn, và các doanh nghiệp thấy phù hợp với họ, nghiên cứu cũng quan sát thấy “Chính phủ không nên xem các chương trình này là cạnh tranh, mà là cơ hội để tận dụng và mở rộng những nỗ lực hiện có”.

15) Cần có tầm nhìn lớn hơn – quá trình hội nhập ASEAN đem lại những cơ hội quan trọng cho phụ nữ khởi nghiệp

Từng trường hợp thực tế đều chỉ rõ tầm quan trọng của các doanh nhân nữ khi được hòa nhập với các thách thức và cơ hội do những thay đổi của môi trường kinh tế rộng lớn hơn. Điều đầu tiên và quan trọng nhất trong số đó ở cấp khu vực chính là sự thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015.

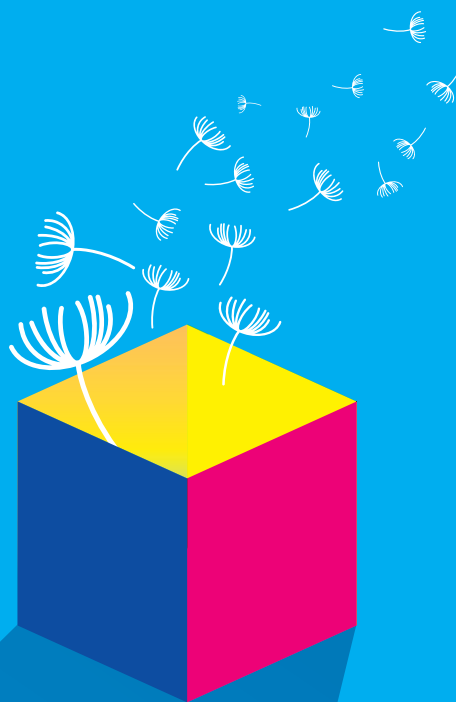
Cơ hội mà AEC mang tới cho nữ doanh nhân bao gồm các thành tựu trong khu vực như hạ tầng cơ bản và công nghệ thông tin; tiếp cận thị trường ASEAN và tiềm năng giảm chi phí sản xuất. Mặt khác, một trong những khó khăn lớn nhất mà các DNNVV đối mặt trong bối cảnh này có thể là phải duy trì năng lực cạnh tranh trong tình hình cạnh tranh gia tăng, đặc biệt ở nhóm các nước CLMV (Campuchia, Lào, Myanma và Việt Nam).

Vai trò của Nhà nước trong việc tạo điều kiện cho tinh thần khởi nghiệp phụ nữ khởi sắc được củng cố bằng chính sách và những nền tảng được thông qua ở cấp độ khu vực ASEAN. Nền tảng hành động căn bản là Kế hoạch Hành động Chiến lược cho DNNVV ASEAN Phát triển 2016-2025. Chiến lược chủ đạo theo kế hoạch này tập trung hỗ trợ DNNVV tiếp cận vốn, thị trường và quốc tế hóa, phát triển nguồn nhân lực, dịch vụ thông tin và tư vấn, đổi mới và công nghệ.

Điều quan trọng là việc phổ biến và thực hiện những chiến lược, kế hoạch, biện pháp và công cụ như vậy sẽ trực tiếp giải quyết các ưu tiên, nhu cầu và hoàn cảnh đặc biệt của nữ doanh nhân trong khu vực. Đảm bảo tiếng nói của nữ doanh nhân, với tất cả sự đa dạng của mình, có thể giúp định hình sự phát triển đang diễn ra của họ và việc áp dụng những biện pháp nói trên sẽ là yếu tố quyết định bảo đảm điều này sẽ xảy ra.

06

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ



Kết luận

Trong những năm gần đây, các Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh đã góp phần thúc đẩy cải cách, đổi mới, xây dựng một môi trường đầu tư, kinh doanh thân thiện, minh bạch, giảm chi phí và ngày càng thuận lợi hơn cho cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Điều này góp phần giúp Việt Nam tăng 10 bậc về năng lực cạnh tranh toàn cầu theo công bố mới đây của Diễn đàn Kinh tế Thế giới vừa công bố.

Tuy nhiên, Chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2020 là *Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và từ 35% trở lên vào năm 2020* vẫn chưa đạt được.

Các chủ doanh nghiệp nữ có đóng góp rất lớn về nhiều mặt cho nền kinh tế, cho xã hội nhưng họ vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn trở ngại và định kiến xã hội. Chỉ số Nữ doanh nhân của Mastercard (MIWE) năm 2019 cho thấy, tại một số thị trường, bất chấp các điều kiện thuận lợi sẵn có như thu nhập cao, cơ sở hạ tầng phát triển và những sáng kiến hỗ trợ từ Chính phủ, tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp vẫn duy trì ở mức thấp. Các quốc gia/vùng lãnh thổ có tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cao là những nơi có xu hướng mạnh mẽ tạo cơ hội và quan tâm tích cực tới khởi nghiệp. Trong một số thị trường dẫn đầu, phụ nữ phát triển mạnh trong kinh doanh là nhờ có các điều kiện xã hội thân thiện và có rất ít nỗi lo thất bại.

Để tiến tới được mục tiêu nói trên cần sự nỗ lực rất lớn từ nhiều phía, trên nhiều phương diện khác nhau, từ tăng cường nhận thức, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy thị trường dịch vụ hỗ trợ kinh doanh và nhiều biện pháp khác có thể học hỏi từ kinh nghiệm thành công của các nước khác.

Khuyến nghị

TĂNG CƯỜNG NHẬN THỨC

Đối với phụ nữ, cần truyền thông, định hướng đào tạo để phụ nữ tự tin vào bản thân và là chính mình cũng như tự xóa bỏ định kiến giới, tự kỳ thị mình trên cơ sở giới tính. Doanh nhân nữ thành công bằng tài năng, nỗ lực và sự kiên trì. Phụ nữ cần được cổ vũ để nhận thấy sức mạnh và sự độc lập của bản thân. Phụ nữ hãy là chính mình và tự tin vào bản thân.

Đối với các thành viên trong gia đình, cần truyền thông để họ tôn trọng lựa chọn kinh doanh của phụ nữ cũng như đóng góp của nữ doanh nhân cho gia đình và xã hội. Nâng cao nhận thức của nam giới trong việc đảm nhận nhiều hơn công việc gia đình để hỗ trợ phụ nữ theo đuổi và thành công trong sự nghiệp của mình.

Đối với cộng đồng, cần nâng cao nhận thức về vị trí quan trọng của phụ nữ trong xã hội để tạo áp lực làm thay đổi quan niệm về giới trong việc đảm nhận các chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp cao.

Đối với các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách, cần được nâng cao hiểu biết về bình đẳng giới thực chất theo tinh thần Công ước CEDAW và Luật Bình đẳng giới, để lồng ghép có hiệu quả vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách và pháp luật.

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT ĐỂ THÚC ĐẨY PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

Mặc dù Việt Nam có những quy định tiến bộ về bình đẳng giới và Luật Hỗ trợ DNNVV đã đặt ra nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, tuy nhiên các quy định này còn chung chung, nên việc hưởng ưu đãi từ phía các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và việc cho hưởng ưu đãi từ phía các cơ quan nhà nước còn chưa đạt được hiệu quả mong muốn.

Do đó, đề nghị Chính phủ xem xét đánh giá hiệu quả thực thi của Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV, bổ sung quy định cụ thể hơn về hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ. Trong đó nên có một chỉ tiêu đánh giá liên quan tới DNNVV do phụ nữ làm chủ. VCCI và Hội Liên hiệp Phụ nữ cũng nên tiến hành thường niên đánh giá này, để có thể kịp thời đề xuất quy định hiệu quả nhất về hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ.

Đề nghị Chính phủ xem xét đưa vấn đề tạo thuận lợi và thúc đẩy doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển vào trong Nghị quyết mới của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia để thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Đối với các chính sách và quy định khác, cần cần trọng trong đánh giá tác động về giới, lồng ghép giới trong chính sách, bao gồm đánh giá tác động và chỉ ra những nhu cầu và lợi ích khác nhau của phụ nữ và đàn ông khi quy định trách nhiệm của họ, đặc biệt là đảm bảo chính sách phải chú ý tới các doanh nghiệp nhỏ và phi chính thức, khu vực mà phụ nữ tập trung đông hơn, để họ có cơ hội bình đẳng trong thành lập và phát triển doanh nghiệp như các doanh nghiệp chính thức, lớn hơn.

TIẾP TỤC CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CHUNG, ĐẨY MẠNH CẢI THIỆN TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN, GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG VÀ TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI

Cải thiện môi trường kinh doanh tiếp tục được coi là nhiệm vụ chính trị quan trọng của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương và cần cả nỗ lực đóng góp từ phía cộng đồng doanh nghiệp.

Các chính quyền địa phương cần thúc đẩy cải thiện hơn nữa tính minh bạch trong điều hành kinh tế của mình, ở cả việc công khai minh bạch thông tin cho doanh nghiệp, cho tới việc minh bạch trong xây dựng chính sách và quy định pháp luật liên quan đến doanh nghiệp ở địa phương, để các đối tượng chịu sự tác động, đặc biệt là các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ được tham gia một cách thực chất vào quá trình này.

Các cơ quan nhà nước cần thực hiện nghiêm túc trách nhiệm cung cấp thông tin khi doanh nghiệp và doanh nhân (trong đó có doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và doanh nhân nữ) yêu cầu theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.

Về hỗ trợ doanh nghiệp, cần minh bạch hóa việc triển khai các chính sách chương trình hỗ trợ doanh nghiệp để doanh nghiệp biết được kịp thời và có thể dễ dàng tiếp cận chính sách ưu đãi. Các trình tự, thủ tục, việc lựa chọn doanh nghiệp để ưu đãi, hỗ trợ cũng cần được công khai minh bạch và có bên thứ ba tham dự đánh giá và giám sát chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh. Kết quả chỉ các doanh nghiệp lớn thì lại tận dụng được các chương trình hỗ trợ, trong khi đối tượng cần đặc biệt quan tâm hỗ trợ là các doanh nghiệp nhỏ thì lại không biết và khó tiếp cận. Việc công khai, minh bạch này có thể thực hiện trên cổng thông tin của chính quyền địa phương, thông báo tại nơi làm thủ tục hành chính, thông báo qua các HHDN, công khai trên các phương tiện truyền thông.

Về gia nhập thị trường, cần tiếp tục quyết liệt cải cách, tiếp tục đơn giản hóa thủ tục gia nhập thị trường cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Về tiếp cận đất đai, cần cải cách giảm thiểu TTHC đất đai phiền hà, minh bạch thông tin đất đai và bố trí quỹ đất sạch phù hợp với quy hoạch.

XÂY DỰNG KHUNG CHIẾN LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

Tại Việt Nam, căn cứ vào Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015³⁹ và Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020⁴⁰, trong đó đã đặt ra các mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể với các nội dung chính của Chương trình và các giải pháp thực hiện. Tuy nhiên, đây là các Chương trình chung chứ không có các hành động cụ thể riêng đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Do đó, nên tham khảo thực tiễn tốt về Khung chiến lược về phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ từ Bộ Thương mại và Công nghiệp Anh như đã nêu ở trên. Các cơ quan nhà nước, các bên liên quan (doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp, các chuyên gia, nhà tài trợ...) cần cùng nhau phối hợp xây dựng Khung chiến lược với các mục tiêu, chỉ tiêu và hành động cụ thể trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

THÚC ĐẨY THỊ TRƯỜNG CUNG CẤP DỊCH VỤ HỖ TRỢ KINH DOANH, NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CÁC CHỦ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

Nhà nước cần tạo điều kiện cho các DVHTKD phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới, bằng cách tạo thuận lợi cho việc xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công và xem xét, rà soát để các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực này thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

Huy động sự tham gia của khu vực tư nhân vào cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công sẽ mang đến nhiều lợi ích:

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, qua đó góp phần tăng sức cạnh tranh của ngành dịch vụ, doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam;
- Thu gọn bộ máy quản lý nhà nước theo đúng chức năng cốt lõi. Bộ máy nhà nước tập trung vào công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, ưu tiên hàng đầu hiện nay;
- Minh bạch hóa và phân định việc thực hiện công vụ của cơ quan công quyền và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do các tổ chức cá nhân thực hiện để tránh chồng chéo, ngăn ngừa “xung đột lợi ích”;
- Huy động được nhiều nguồn lực trong xã hội, từ khu vực tư nhân đầu tư vào dịch vụ sự nghiệp công;
- Thực hiện chính sách thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, tạo cơ hội để các doanh nghiệp được tham gia bình đẳng tham gia đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công.

Điều các doanh nghiệp thực sự cần là những cơ hội và một môi trường bình đẳng chứ không phải nhận được sự hỗ trợ miễn phí. Lúc này, Nhà nước cần đóng vai trò tạo thuận lợi cho các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp.

³⁹ Tại Quyết định số 1241/QĐ-TTg ngày 22/7/2011.
⁴⁰ Tại Quyết định số 1696/QĐ-TTg ngày 02/10/2015.

Về nội dung hỗ trợ, cần phù hợp với nhu cầu, ngành nghề, giai đoạn phát triển và quy mô của doanh nghiệp, thời gian và nguồn lực của doanh nhân nữ, bám sát thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

XÂY DỰNG MẠNG LƯỚI, NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CÁC TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP, ĐẶC BIỆT LÀ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

Theo thực tiễn thành công tại một số nước trên thế giới, cũng như những gì đang diễn ra tại Việt Nam, việc tham gia các mạng lưới là rất hữu ích cho các doanh nhân nữ vì họ được tiếp xúc thường xuyên hơn với những doanh nhân nữ khác để chia sẻ ý tưởng và kinh nghiệm và học tập lẫn nhau, học hỏi từ các đối tác, gặp gỡ khách hàng và phát triển các mối quan hệ.

Việc thúc đẩy mạng lưới liên kết của chính các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, giữa doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ với các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn nước ngoài hoặc liên kết sản xuất, tiêu thụ với doanh nghiệp nước ngoài thông qua xuất khẩu sẽ là cách thức tốt để hỗ trợ tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (thông qua việc giới thiệu các mối liên kết sản xuất, tham gia các chuỗi giá trị...).

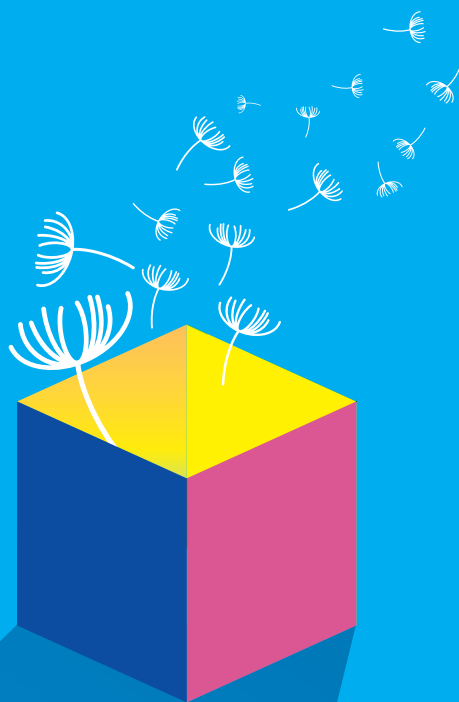
Như vậy, Chính phủ và các nhà tài trợ có thể tiếp tục tăng cường hợp tác với các HHDN, trong đó có các hiệp hội của riêng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, để giúp các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ xử lý các rào cản về quản lý và vận hành.

Về phía các HHDN, các HHDN nói chung, đặc biệt là các hiệp hội/hội/câu lạc bộ doanh nhân/doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, còn nhiều hạn chế trong năng lực ở nhiều khía cạnh: cung cấp dịch vụ cho hội viên, tạo nguồn thu, áp dụng công nghệ thông tin, quản trị hiệp hội, phản biện và góp ý chính sách, tăng cường và xây dựng liên kết quốc tế... Do đó, cần phải nâng cao năng lực cho các HHDN, chia sẻ, học tập các thực tiễn tốt. Các hiệp hội doanh nhân nữ và các tổ chức liên quan có thể phối hợp với các tổ chức quốc tế nhằm tăng cường vai trò của các doanh nhân nữ trong các HHDN khác nhau nhằm điều chỉnh dịch vụ của các tổ chức này cho phù hợp với các doanh nhân nữ và đảm bảo các hiệp hội có sự bình đẳng khi đại diện cho doanh nhân nam và nữ.

Hơn nữa, cũng cần tăng cường vai trò của các nữ doanh nhân trong các hiệp hội kinh doanh nhằm làm cho hoạt động của các hiệp hội này phù hợp hơn với phụ nữ.

Kết

Việc có thêm nhiều phụ nữ đứng trong hàng ngũ lãnh đạo, quản lý không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với vấn đề bình đẳng giới trên phạm vi toàn cầu mà còn có ý nghĩa tích cực đối với sự phát triển của các quốc gia và doanh nghiệp trên con đường vươn tới văn minh, thịnh vượng.



“Trao quyền cho phụ nữ vẫn là mẫu số chung và là một mệnh lệnh toàn cầu cho tất cả những ai quan tâm đến công bằng và sự đa dạng, là năng suất và tăng trưởng của xã hội và nền kinh tế bao trùm hơn”

Christine Lagarde ⁴¹

41 Nguyên Tổng giám đốc IMF, tháng 3 năm 2019
<https://www.imf.org/external/pubs/ft/fandd/2019/03/empowering-women-critical-for-global-economy-lagarde.htm>



PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Ban Pháp chế

Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (024) 35770632 Fax: (024) 3577 1459
Email: xdphapluat@vcci.com.vn,
xdphapluat.vcci@gmail.com
www.vcci.com.vn / www.vibonline.com.vn